

CHƯƠNG VII

BẢY KỆ (*SATTANIPĀṬA*)

I. PHẨM KUKKU (*KUKKUVAGGA*)

§396. CHUYỆN KUKKU (*Kukkujātaka*) (J. III. 317)

Cái nóc nhà này cao thước rưỡi...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một quốc vương. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện ba con chim*.¹

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là quốc sư về thể sự cũng như thánh sự. Vua ấy đi theo tà đạo, cai trị bất chánh và thâu góp tài sản bằng cách đàn áp dân chúng. Bồ-tát muốn khuyên giáo vua, liền quanh quần tìm một ví dụ.

Bấy giờ, nội thất trong cung làm chưa xong, nên mái nhà trên ấy chưa hoàn chỉnh. Các cây rui chống đỡ nóc nhọn chỉ vừa mới được đặt vào đúng vị trí. Vua du ngoạn trong ngự viên, khi trở về cung, vua nhìn lên và thấy nóc nhà hình tròn, sợ nó sẽ rớt xuống, vua bước ra đứng bên ngoài, rồi lại nhìn lên và suy nghĩ: “Làm thế nào nóc nhà này đứng yên như vậy. Các rui này ra sao?” Và vua liền ngâm vãn kệ đầu hỏi Bồ-tát:

1. Cái nóc nhà này cao thước rưỡi,
Tám cây kèo lớn đỡ quây quần,
Gỗ simsapā với sāra thẳng,
Bởi vậy nóc nhà đứng vững chẳng?

Nghe vậy, Bồ-tát suy nghĩ: “Ta đã có được một ví dụ để khuyên giáo nhà vua.” Ngài liền ngâm các vãn kệ sau:

2. Ba mươi rui nhỏ gỗ sāra,
Được xếp đều quanh dưới mái nhà,

¹ Xem J. V. 109, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*), số §521.

Áp sát vào nhau nâng thật vững,
Cho nên nóc đứng thẳng ngay mà.

3. Vậy người có trí được quây quần,
Với quốc sư hiền, bạn tận trung,
Sẽ chẳng sa cơ lúc mặt vận,
Như rui đỡ nóc mái thẳng bằng.

Trong lúc Bò-tát đang nói, vua xem xét kỹ hành vi xử thế của mình: “Nếu không có nóc nhà thì các cây rui không đứng vững, nóc nhà cũng không đứng vững nếu không được các cây rui nâng đỡ. Nếu các cây rui gãy thì nóc nhà sụp đổ. Cũng vậy, một vị vua ác hạnh không tập hợp các thân bằng, đại thần, quân đội, Bà-la-môn và gia chủ lại với nhau; và nếu đám quần thần tan rã, vua không được nâng đỡ sẽ mất hết quyền lực, vì thế vua phải sống công chính.”

Ngay lúc ấy, đám thị nữ đem dâng vua một quả bưởi. Vua bảo Bò-tát:

– Này Hiền hữu, hãy ăn bưởi này.

Bò-tát cầm bưởi và thưa:

– Tâu Đại vương, người nào không biết cách ăn bưởi sẽ làm cho nó đắng hoặc cay. Song người có trí biết cách lấy chất đắng ra và không bỏ chất chua, hoặc làm hỏng hương vị của bưởi khi ăn.

Rồi dùng thí dụ này, ngài trình bày cho vua biết cách tạo tài sản chân chánh qua hai vần kệ:

4. Ăn bưởi luôn phân vỏ đắng cay,
Nếu không gọt vỏ với dao này,
Chỉ ăn phần ruột là thơm ngọt,
Nếu thêm vỏ thì hết ngọt ngay.
5. Vậy người có trí chẳng hung tàn,
Thâu góp thuế trong các xóm làng,
Tặng sản nghiệp nhưng không phạm tội,
Bước đường chân chánh tạo danh vang.

Vua vừa tham vấn Bò-tát vừa đi đến hồ sen, khi nhìn một hoa sen đang nở có màu sáng đẹp như mặt trời mới mọc, không bị nước làm ô nhiễm, nhà vua bảo:

– Này Hiền hữu, hoa sen kia mọc thẳng lên không bị nước làm ô nhiễm sắc hương.

Bò-tát liền đáp lại:

– Tâu Đại vương, một vị vua cũng phải như vậy.

Rồi ngài ngâm các vần kệ này để khuyên giáo:

6. Như hoa sen nở ở trong hồ,
Rễ trắng, nước trong bảo dưỡng cho,

Dưới ánh mặt trời hoa nở đẹp,
Không hề bụi bặm, chẳng bùn nhơ.

7. Vây người có đức hạnh đưa đường,
Khéo luyện ôn nhu, đủ thiện lương,
Như đóa sen trong hồ nước ấy,
Bùn nhơ chẳng cấu uế tâm can.

Vua nghe lời Bồ-tát khuyến giáo, từ đó về sau trị nước chân chánh và thực hành các thiện sự, bố thí cùng nhiều phước nghiệp khác nên được sinh lên thiên giới.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, vua là Ānanda và vị quốc sư có trí chính là Ta.

§397. CHUYỆN SỰ TỬ MANOJA (*Manojajātaka*)² (J. III. 321)

Cung nọ đã giương cao vút lên...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Trúc Lâm về một Tỷ-kheo thân cận bạn ác. Câu chuyện này đã được nêu đầy đủ chi tiết trong *Chuyện con voi Mahilāmukha*.³

Bậc Đạo sư bảo:

- Đây các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu kể này thân cận bạn ác.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là con sư tử sống với sư tử cái và hai con một trai, một gái. Sư tử con tên là Manoja. Khi lớn lên, nó lấy một sư tử cái làm vợ. Như thế, cả bảy có năm con sư tử.

Manoja thường giết trâu rừng và nhiều dã thú khác, nhờ đó nó đem thịt sống về nuôi cha mẹ, em và vợ. Một hôm, trong chỗ săn mồi, nó thấy một con chó rừng tên Giriya không chạy được và đang nằm sắp. Nó hỏi:

- Đây bạn, sao thế?
– Tâu Chúa công, tôi muốn phục vụ ngài.
– Thế thì tốt.

Sau đó, nó đem chó rừng về hang, Bồ-tát thấy vậy bảo:

² Tham chiếu: A. I. 124, *Sevitabbasutta*; A. I. 126, *Jigucchitabbasutta*; *Xuất diệu kinh* “Thân phẩm” 出曜經親品 (T.04. 0212.26. 0727b09); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Thiện hữu phẩm” 法集要頌經善友品 (T.04. 0213.25. 0789c25).

³ Xem J. I. 185, *Mahilāmukhajātaka* (*Chuyện con voi Mahilāmukha*), số §26.

– Này con Manoja, chó rừng là loài độc ác tham tàn, hay xúi giục điều xấu, đừng đưa thứ chó này về ở gần con.

Song ngài không ngăn cản được nó.

Thế rồi một hôm, chó rừng muốn ăn thịt ngựa, liền nói với Manoja:

– Tâu Chúa công, trừ thịt ngựa ra, chúng ta không có gì ăn cả. Vậy chúng ta hãy đi bắt ngựa!

– Song ở nơi đâu có ngựa thế bạn?

– Tại Ba-la-nại, cạnh bờ sông.

Manoja nghe lời khuyên này và cùng đi với chó rừng đến nơi có bầy ngựa tắm dưới sông. Nó bắt một con ngựa, mang trên lưng chạy nhanh về miệng hang. Sư tử cha ăn thịt ngựa và bảo:

– Này con, bầy ngựa là tài sản của vua, mà vua chúa thường có nhiều mưu kế, lại nhiều người thiện xạ bắn cung. Sư tử ăn thịt ngựa không sống lâu được đâu. Từ rày con đừng bắt ngựa nữa!

Sư tử con không theo lời cha khuyên nhủ, cứ tiếp tục bắt ngựa. Vua nghe có con sư tử đến bắt ngựa, liền bảo làm một hồ nước cho ngựa ở trong kinh thành. Song sư tử vẫn đến bắt ngựa. Vua truyền làm chuông ngựa với máng thức ăn, nước uống đem đến tận nơi cho chúng. Sư tử nhảy vượt bức tường và bắt ngựa từ chuông ra. Vua liền truyền gọi một xạ thủ có tài bắn nhanh như chớp, hỏi anh ta có thể bắn sư tử chăng. Anh ta tâu có thể, rồi làm một tháp canh gần bức tường, nơi sư tử thường đến và đợi tại đấy.

Sư tử đến, để chó rừng ở một nghĩa địa bên ngoài, còn nó nhảy vào thành bắt ngựa. Người xạ thủ suy nghĩ: “Tốc lực của sư tử này quá nhanh khi nó đến.” Cho nên anh ta chưa bắn nó; song khi nó trở về mang theo con ngựa, bị vướng víu vì gánh nặng kia, người xạ thủ liền bắn một mũi tên nhọn vào phía đuôi sau của sư tử. Mũi tên đâm xuyên suốt ra phía đuôi trước và bay vút lên không. Sư tử thét lên:

– Ta bị thương rồi!

Sau khi bắn sư tử xong, vị thiện xạ búng dây cung vang lên như sấm. Chó rừng nghe tiếng sư tử gầm và tiếng cung vang rền, liền suy nghĩ: “Bạn ta đã bị bắn, chắc hẳn phải chết; thôi chẳng còn tình bạn gì với vật đã chết, ta muốn đi về hang cũ trong rừng kia.” Rồi nó ngâm hai vần kệ:

8. Cung nọ đã giương cao vút lên,
Dây cung phát tiếng sấm vang rền,
Manoja, chúa sơn lâm ấy,
Thân hữu của ta bị giết liền.

9. Than ôi, ta phải kiếm khu rừng,
Cố sức hết lòng, thật gắng công,

Ta phải tìm về nơi trú ẩn,
Bỗng dưng tình bạn hóa thành không.

Sư tử con chạy vụt về ném xác ngựa trước miệng hang, rồi ngã ra chết. Thân quyến vội bước ra, thấy mình nó nhuộm đầy máu từ vết thương chảy xiết, vừa nằm chết vì đã đi theo bạn ác. Cha, mẹ, em và vợ sư tử lần lượt ngâm bốn vãn kệ:

[Cha:]

10. Số phận con ta chẳng thịnh hưng,
Say mê kết hợp ác thân bằng,
Nhìn Mano ấy đang nằm đó,
Do bởi lời khuyên của chó rừng.

[Mẹ:]

11. Lòng mẹ chẳng vui khi thấy con,
Kết giao với bọn ác thân bằng,
Nhìn Mano ấy đang nằm đó,
Máu chảy nhuộm đầy cả tấm thân.

[Em:]

12. Cũng vậy, bước đi kẻ thấp hèn,
Trong đời tăm tối phải nằm yên,
Không hề nghe được lời khuyên nhủ,
Của bạn thật chân, bậc trí hiền.

[Vợ:]

13. Phần số tệ tàn hơn biết bao,
Khi người ở địa vị trên cao,
Lại tin tưởng bọn người hèn kém,
Nhìn chúa sơn lâm đã ngã nhào!

Và cuối cùng là vãn kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác Ngộ:

- | | | |
|-----|---------------------------|--------------------------|
| 14. | Ai theo bọn hạ tầng, | Chính nó bị bỏ ruộng, |
| | Ai thân người đồng đẳng, | Chẳng hề bị phụ phàng, |
| | Ai phục người tối thượng, | Sẽ mau chóng thịnh hưng. |
| | Vậy tìm người ưu việt, | Để có chốn nương thân. |

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, chó rừng là Devadatta, Manoja là vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác, em gái là Uppalavannā (Liên Hoa Sắc), vợ của sư tử là Tỷ-kheo-ni Khemā (Thái Hòa), sư tử mẹ là mẫu thân của Rāhula và sư tử cha chính là Ta.

§398. CHUYỆN HIẾU TỬ SUTANU (*Sutanojātaka*) (J. III. 324)

Vua đã gửi người một bát cơm...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng cha mẹ mình. Câu chuyện sẽ được nói rõ trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.⁴

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình nghèo, cha mẹ đặt tên ngài là Sutanu. Khi lớn khôn, ngài làm việc kiếm tiền nuôi cha mẹ; đến lúc cha ngài qua đời, ngài phụng dưỡng mẹ mình.

Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại thích săn bắn. Một hôm, vua cùng đông đảo quần thần đi vào một khu rừng rộng khoảng một hai do-tuần và truyền lệnh cho tất cả mọi người:

– Nếu có con nai nào chạy thoát ở điểm đứng canh của người nào thì người ấy bị thua.

Quần thần che một nơi ẩn nấp bên vệ đường và dâng cho vua dùng. Bầy nai bị chấn động vì tiếng la hét của đám người bao vây nơi trú ẩn của chúng, rồi một con nai chạy về địa điểm vua đứng canh. Vua nghĩ thầm: “Ta muốn bắn nó”, rồi giương cung lên. Con vật biết dùng mưu kế đánh lừa, thấy mũi tên sắp bay đến gần sườn liền ngã lăn tròn như thể trúng tên. Vua nghĩ: “Ta đã bắn trúng nó” và chạy lại bắt nai. Nhưng con nai vùng lên lao vút nhanh như gió. Quần thần và những người kia đều cười nhạo vua. Ông liền đuổi theo con nai cho đến khi nó mệt nhoài liền rút kiếm chặt nó làm đôi, rồi kéo con nai lên một khúc gỗ, ông khiêng nó lên như cái đòn gánh, vừa đi vừa nói: “Ta muốn nghỉ ngơi một lát.” Ông đến gần một cây đa bên vệ đường và nằm xuống ngủ say.

Một con quỷ dạ-xoa tên là Makhādeva tái sanh ở cây đa này, được Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) cho phép bắt mọi sinh vật nào đến gần nó để ăn thịt. Khi vua này thức dậy, dạ-xoa bảo:

– Cứ ở lại đây, ngươi là món mồi của ta!

Rồi nó cầm lấy tay vua. Vua hỏi:

– Ngài là ai?

– Ta là quỷ dạ-xoa, sanh ra tại đây. Ta bắt mọi người đến nơi đây để ăn thịt.

Vua lấy hết can đảm hỏi:

– Thế ngài chỉ ăn thịt hôm nay hay ăn mãi?

– Ta sẽ còn ăn mãi mọi vật ta bắt được.

– Thế thì hãy ăn con nai này hôm nay và để ta đi về. Từ ngày mai ta sẽ gửi cho ngài một người cùng với một đĩa cơm mỗi ngày.

⁴ Xem J. VI. 68, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

– Vậy hãy cẩn thận đấy. Hễ ngày nào không gọi người đến thì ta sẽ ăn thịt người.

– Ta là quốc vương xứ Ba-la-nại, chẳng có việc gì ta không làm được cả.

Quý dạ-xoa nhận lời hứa rồi để vua ra về. Khi vua đến kinh thành, ông đem chuyện ấy kể cho vị cận thần nghe và hỏi những gì cần phải làm.

– Tâu Đại vương, có hạn kỳ nhất định nào không?

– Không.

– Thế thì Đại vương đã tính việc sai rồi đấy. Nhưng không sao cả, có rất nhiều tù nhân trong ngục.

– Vậy khanh cố sắp đặt việc này để cứu mạng ta.

Vị cận thần đồng ý, mỗi ngày bắt một tù nhân từ trong ngục gửi ra cho quý dạ-xoa cùng với một đĩa cơm mà không nói gì với kẻ ấy cả. Quý dạ-xoa ăn hết cả cơm lẫn người. Sau một thời gian, các ngục thất đều trống vắng. Vua tìm không ra người đi đưa cơm, lòng run rẩy sợ chết. Vị cận thần an ủi ông và bảo:

– Tâu Đại vương, lòng tham tài sản còn mạnh hơn lòng tham sống. Ta hãy gói một ngàn đồng tiền đặt trên lưng voi, rồi lấy trống truyền lệnh: “Ai muốn đem cơm cho quý dạ-xoa và lãnh số tiền bạc này?”

Vua nghe lời làm theo như vậy. Bỏ-tát suy nghĩ: “Ta chỉ làm công được một xu rưỡi mỗi ngày, khó lòng phụng dưỡng mẹ. Nay ta muốn lấy số tiền kia trao cho mẹ rồi đi gặp quý dạ-xoa. Nếu ta thắng nó thì tốt, còn nếu không thì mẹ ta cũng sống an nhàn sung túc.” Vì thế, ngài nói chuyện với mẹ, song bà bảo:

– Mẹ vừa đủ rồi, mẹ không cần tiền bạc.

Rồi bà ngăn cản ngài hai lần. Nhưng lần thứ ba, ngài không xin phép mẹ nữa mà đến gặp quan quân nói:

– Thưa các quan, hãy đưa một ngàn đồng tiền, tôi nhận mang cơm đi!

Rồi đưa cho mẹ một ngàn đồng tiền, ngài bảo:

– Mẹ thân yêu, đừng lo buồn, con sẽ thắng quý dạ-xoa và đem hạnh phúc cho mọi người. Con sẽ trở về nhà khiến cho mẹ đang khóc than phải cười to lên đấy.

Sau khi chào mẹ xong, ngài cùng quan quân đi yết kiến vua, rồi kính lễ vua và đứng tại đó. Vua hỏi:

– Này thiện nam tử, cậu muốn đem cơm à?

– Tâu Đại vương, phải.

– Thế cậu cần mang theo vật gì bên mình?

– Tâu Đại vương, đôi hài bằng vàng của ngài.

– Tại sao thế?

– Tâu Đại vương, quý dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng trên mặt đất dưới gốc cây của nó, còn tiểu tử sẽ đứng trên đôi hài, chứ không phải trên mặt đất.

– Thế còn vật gì nữa?

– Tâu Đại vương, chiếc lọng của ngài.

– Tại sao thế?

– Tâu Đại vương, quý dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng dưới bóng cây của nó, còn tiểu tử đứng dưới bóng chiếc lọng chứ không phải bóng cây.

– Thế còn vật gì nữa?

– Tâu Đại vương, thanh kiếm của ngài.

– Để làm gì?

– Tâu Đại vương, ngay loài quỷ cũng sợ những người mang khí giới trong tay.

– Thế còn gì nữa chẳng?

– Tâu Đại vương, cái bát vàng của ngài, đựng đầy ngũ thiện dâng lên ngài.

– Nay thiện nam tử, tại sao vậy?

– Một người có trí khôn như tiểu tử mà phải ăn cơm gạo thô trong đĩa đất thì không thích hợp chút nào.

Vua chấp thuận và sai các quan đem đủ mọi thứ ngài đã yêu cầu. Bò-tát thưa:

– Tâu Đại vương, đừng sợ gì cả, tiểu tử nguyện sẽ trở về hôm nay sau khi chiến thắng quý dạ-xoa và đem lại an lạc cho ngài.

Thế rồi, ngài cầm mọi thứ cần dùng và đi đến nơi ấy. Ngài sắp đặt mọi người đứng không xa nơi ấy rồi mang đôi hài vàng vào chân, đeo thanh kiếm vào đai, che chiếc lọng trên đầu và cầm bát cơm bằng vàng đến gặp dạ-xoa.

Quý dạ-xoa nhìn ra đường thấy ngài, liền suy nghĩ: “Người này đến đây không giống bọn người đã đến trước kia, vì duyên cớ gì vậy?”

Bò-tát đứng gần cây, lấy mũi kiếm đẩy đĩa cơm vào dưới bóng cây rồi đứng gần bóng cây, ngâm vãn kệ đầu:

15. Vua đã gửi ngài một bát cơm,
Lại thêm thịt nấu thật ngon thơm,
Makhā có ở nhà không đấy,
Xin hãy bước ra nhận để ăn!

Nghe vậy, quý dạ-xoa suy nghĩ: “Ta muốn đánh lừa nó, rồi sẽ ăn thịt nó khi nó bước vào bóng cây.” Con quỷ liền ngâm vãn kệ thứ hai:

16. Hãy bước vào trong, hỡi cậu trai,
Vớ cao lương mỹ vị trên tay,
Cả cơm cùng với thân người nữa,
Này cậu, ta xơi tuyệt lắm thay!

Tiếp theo, Bô-tát đáp hai vắn kệ:

17. Dạ-xoa sẽ mất vật to hơn,
Đổi lấy vật này bé còn con.
Tất cả mọi người đều sợ chết,
Chẳng còn ai đến biếu cao lương!
18. Vậy ngài sẽ được cấp cao lương,
Tinh sạch nếm gia vị ngọt ngon.
Song nếu ăn ta thì khó kiếm,
Một người nào khác đến đem cơm.

Quý dạ-xoa suy nghĩ: “Cậu trai này nói có lý”, rồi đầy thiện ý, nó ngâm hai vắn kệ:

19. Sutanu, quả thật đúng thay,
Mối lợi ta như cậu tỏ bày,
Hãy trở lại thăm hiền mẫu nhé,
Ta cho phép cậu bước đi ngay.
20. Lấy gươm, lọng, bát, cậu thanh niên,
Hãy nhắm đường đi, cất bước liền,
Thăm mẹ hiền trong niềm phấn khởi,
Cho bà sống hạnh phúc bình yên.

Nghe lời dạ-xoa, Bô-tát hoan hỷ, ngài nghĩ thầm: “Bồn phận ta đã hoàn thành, quý dạ-xoa đã được chinh phục, ta được hưởng tài sản và lời hứa của vua đã được thực hiện.” Ngài liền ngâm vắn kệ cuối cùng:

21. Dạ-xoa cùng với mọi thân nhân,
Mong ước toàn gia được phước ân,
Lệnh vua đã thực hành viên mãn,
Tài sản ta nay được hưởng phần.

Ngài khuyến giáo quý dạ-xoa và bảo:

– Nay bạn, xưa kia bạn đã tạo ác nghiệp, bạn tham tàn độc ác, ăn thịt nhiều người nên tái sinh làm quý dạ-xoa. Từ rày về sau đừng giết hại sinh mạng như vậy nữa.

Thế là ngài nêu rõ mọi công đức nhờ giữ giới hạnh và các nỗi khổ đau vì tạo ác nghiệp. Rồi an trú quý dạ-xoa vào ngũ giới, ngài bảo:

– Nay, tại sao bạn ở trong rừng? Mau lên, ta sẽ để bạn cư ngụ cạnh cổng thành và bảo đem cao lương mỹ vị đến cho bạn.

Sau đó, ngài ra đi cùng quý dạ-xoa, bảo nó cầm kiếm cùng nhiều vật khác và đến thành Ba-la-nại. Quân sĩ báo tin Sutanu đã trở về cùng quý dạ-xoa. Vua cùng triều thần đi ra đón Bô-tát và làm chỗ cư trú cho quý dạ-xoa tại cổng thành, rồi sai người đem cao lương mỹ vị cho nó. Xong, vua vào thành, lấy trống truyền lệnh hội họp toàn dân trong thành để tuyên dương công trạng của

Bồ-tát và phong cho ngài chức vụ thống lãnh quân đội. Còn vua được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, thực hành nhiều thiện sự, bố thí và các công đức khác nên về sau tái sanh lên cõi trời.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ đã đạt Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, quý dạ-xoa là *Āṅgulimāla* (người đeo vòng ngón tay), vua là *Ānanda* và hiểu tử kia chính là Ta.

§399. CHUYỆN CHIM THỨU (*Gijjhajātaka*) (J. III. 330)

Làm sao thân lão biết tìm môi...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Ngày xưa, khi Vua *Brahmadatta* trị vì *Ba-la-nại*, Bồ-tát được sinh làm chim thứu (chim kên kên). Khi lớn lên, ngài đưa cha mẹ đã già, mù mắt vào ở trong hang thứu, và đem thịt quạ cùng nhiều loại khác về nuôi hai vị. Thời ấy, có một thợ săn đặt bẫy bắt chim thứu quanh nghĩa địa ở *Ba-la-nại*.

Một hôm, Bồ-tát đi kiếm thịt đến gần nghĩa địa và sa chân vào bẫy. Ngài không nghĩ đến mình mà chỉ nhớ đến cha mẹ già: “Giờ đây làm sao cha mẹ sống được? Ta chắc hai vị sẽ chết vì không biết ta mắc bẫy, sẽ bơ vơ khốn khổ và héo mòn dần trong hang núi ấy.” Do vậy, ngài ngâm vãn kệ đầu than khóc:

22. Làm sao thân lão biết tìm môi,
 Trong chốn hang sâu của núi đồi?
 Ta bị buộc chân vào chiếc bẫy,
 Làm nô lệ của *Nīlīya* thôi.

Con trai người thợ săn nghe ngài than khóc, liền ngâm vãn kệ thứ hai, (chim thứu ngâm vãn kệ thứ ba và cứ liên tiếp xen kẽ như vậy).

[Con của thợ săn:]

23. Chim thứu, sao chim khóc ỷ ôi?
 Tiếng chim đưa đến tận tai tôi,
 Ta chưa từng thấy hay nghe được,
 Chim biết thốt ra tiếng giống người.

[Chim thứu:]

24. Ta nuôi phụ mẫu đã già rồi,
 Ở trong hang nọ dưới chân đồi,

Làm sao thân lão tìm mỗi được,
 Khi thúu trở thành nô lệ người.

[Con của thợ săn:]

25. Kên kên nhìn xác chết đằng xa,
 Hơn cả một trăm dặm vượt qua,
 Vì có sao chim không thấy rõ,
 Lưới kia bấy nọ thật gần mà?

[Chim thúu:]

26. Khi đời sắp đến vận suy tàn,
 Thân chết đang đòi hỏi số phần,
 Dù có đứng gần bên chiếc bẫy,
 Cũng không thấy bẫy đặt dây giăng!

[Con của thợ săn:]

27. Thôi hãy về đi với lão thân,
 Ở trong hang núi, hãy chăm nom,
 Về thăm cha mẹ trong an lạc,
 Chim được ta cho thỏa ước mong.

[Chim thúu:]

28. Hỡi thợ săn cùng cả họ hàng,
 Cầu mong hạnh phúc đến nhà chàng!
 Ta về với mẹ cha già yếu,
 Chăm sóc hai thân ở dưới hang.

Sau đó, Bồ-tát được giải thoát khỏi nỗi sợ chết, vui mừng tạ ơn, vừa ngâm vần kệ cuối cùng vừa ngâm đầy thịt trong mỏ và bay về đưa mỗi cho cha mẹ.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người thợ săn là Channa (Xa-nặc), cha mẹ ta là thân quyến trong hoàng gia và chim thúu là Ta.

§400. CHUYỆN DABBHAPUPPHA (*Dabbhapupphajātaka*) (J. III. 332)

Này bạn Anu, chạy tới ngay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Upananda, một người của bộ tộc Thích-ca (Sākya).

Vị ấy xuất gia theo giáo pháp nhưng lại từ bỏ các hạnh tri túc và những đức hạnh khác nên trở thành tham lam. Đầu mùa mưa, ông đến ở thử hai, ba tinh xá, để lại một cái dù hay chiếc hài ở một tinh xá, và một chiếc gậy hay bình nước

ở một tinh xá khác, rồi ông đến an cư ở một tinh xá khác nữa. Ông bắt đầu trú mưa tại một tinh xá ở thôn quê và bảo:

– Chư Tỷ-kheo phải sống tri túc.

Rồi cổ ra vẻ như đang làm cho mặt trăng xuất hiện trên trời, ông giải thích pháp môn đưa đến hạnh tri túc, tán thán đời sống tri túc với các nhu cầu tối thiểu. Nghe lời ông, Tăng chúng ném bỏ mọi y bát tốt đẹp, mang bát đất, phần tảo y (y bằng giẻ rách). Ông liền đem các thứ kia về tư thất của mình. Sau khi mùa mưa và lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*) đã xong, ông chất đầy một xe chở đến Kỳ Viên. Trên đường đi, dừng lại phía sau một tinh xá trong rừng, ông lấy dây leo quấn hai chân và nói:

– Chắc chắn có thể kiếm được vải thứ ở đây.

Rồi ông đi vào tinh xá, có hai Tỷ-kheo già đã an cư mùa mưa ở đó, họ kiếm được hai tấm y vải thô và một chiếc mền lông mịn, rồi chẳng biết phải chia chúng ra sao, họ hoan hỷ khi thấy ông đến, nghĩ thầm: “Trưởng lão này sẽ chia các vật dụng cho hai ta”, liền nói:

– Này Hiền giả, chúng tôi không thể chia các y phục dùng cho mùa mưa này được, chúng tôi có bàn cãi về việc này, xin Hiền giả chia giùm chúng tôi.

Vị ấy bằng lòng, chia hai tấm y vải thô cho họ, còn ông lấy cái mền, và bảo họ:

– Vật này dành cho tôi là người biết giới luật.

Rồi ông bỏ đi. Hai trưởng lão này thích chiếc mền, liền cùng đi với ông đến Kỳ Viên và kể câu chuyện với chư Tăng hiểu biết giới luật, rồi hỏi:

– Có đúng là những vị biết giới luật lại cướp bóc tài sản như vậy chẳng?

Tăng chúng thấy đồng y bát do Tỷ-kheo Upananda đem đến, liền hỏi:

– Này Hiền giả, Hiền giả thật có đại phước đức, Hiền giả đã tạo được nhiều thực phẩm và y phục thế kia!

Ông đáp:

– Này các Hiền giả, tôi có phước đức gì đâu! Tôi chỉ lấy được các thứ này theo cách như vậy, như vậy.

Rồi ông đem mọi chuyện kể ra hết cho mọi người nghe.

Tại pháp đường, Tăng chúng nêu vấn đề thảo luận, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo Upananda thuộc bộ tộc Thích-ca rất tham lam tài vật.

Bậc Đạo sư nghe đề tài của các vị, liền bảo:

– Này các Tỷ-kheo, hành vi của Upananda không phù hợp để tinh tấn. Khi một Tỷ-kheo giảng giải hạnh tinh tấn cho người khác thì trước tiên tự mình phải cho phù hợp rồi mới giáo giới người khác.

Giữ mình đúng mực trước tiên,
Rồi sau thuyết giảng, bậc hiền vị tha.

Bằng cách ngâm vắn kệ này, Ngài giải bày giáo pháp và nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải Upananda chỉ tham lam lần đầu mà xưa kia kẻ ấy cũng đã cướp bóc tài vật của loài khác nữa.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát làm một thần cây bên bờ sông. Một con chó rừng tên Mâyāvī đã có vợ và sống một nơi gần bờ sông. Một ngày kia, vợ nó bảo chồng:

– Này chàng, thiếp có một niềm ao ước, thiếp muốn ăn cá hồng rohita tươi.

Chó rừng đáp:

– Cứ yên lòng, ta sẽ đem cá tươi về cho nàng.

Rồi nó ra phía con sông, quẩn chân bằng dây leo đi dọc theo bờ. Lúc ấy, có hai con rái cá tên Gambhīracārī và Anutīracārī đang đứng trên bờ rình bắt cá. Gambhīracārī chợt thấy một con cá hồng rohita lớn, liền nhảy xuống nước chụp lấy đuôi cá. Con cá quá mạnh vùng ra được lôi theo rái cá. Nó liền gọi bạn:

– Con cá này to lắm, vừa đủ cho hai ta.

Rồi nó ngâm vắn kệ đầu:

29. Này bạn Anu, chạy tới ngay,
Ta cầu khẩn bạn giúp ta đây,
Ta vừa bắt cá này to lớn,
Song nó kéo ta mạnh thế này!

Nghe vậy, con kia ngâm vắn kệ thứ hai:

30. Gambhī, bạn tốt số đường nào,
Móng vuốt bạn cầm vững mạnh sao,
Chẳng khác đại bàng câu rắn nước,
Ta câu cá nọ nhấc lên cao!

Sau đó, cả hai rái cá kéo con cá hồng rohita đặt xuống đất và cắn nó chết xong, lại bảo nhau:

– Bạn chia cá ra nào.

Rồi chúng cãi nhau nhưng không chia cá được phải ngồi xuống và để cá nằm đó. Lúc ấy, chó rừng vừa bước tới chỗ ấy. Thấy chó, cả hai đều chào rất lễ phép và nói:

– Thưa tôn ông có lông màu cỏ xám, con cá này do hai chúng tôi bắt được, rồi sinh chuyện cãi nhau vì chúng tôi không biết cách chia cá. Xin tôn ông chia cá đều hai phần giùm cho.

Rồi chúng ngâm vắn kệ thứ ba:

31. Một cuộc tranh giành giữa chúng tôi,
Tôn ông mang áo xám kia ôi!
Xin ông ổn định giùm tranh chấp,
Cho thật công bằng giữa cả đôi.

Chớ rùng nghe vậy, liền tự xưng anh hùng qua vắn kệ:

32. Ta đã giải phân lằm cạnh tranh,
Làm xong sứ mạng thật hòa bình,
Chư tôn hãy để điều tranh chấp,
Tại hạ công bình ổn định nhanh.

Ngâm vắn kệ xong, chớ chia cá và ngâm thêm vắn kệ này:

33. Anu, hãy lãnh phần đuôi,
Còn chú Gambhī, thủ cấp rồi,
Phần giữa dành cho ta xử kiện,
Trả công xứng đáng thế này thôi!

Như vậy, sau khi chia cá xong, chớ rùng bảo:

– Các ông ăn đầu đuôi cá, chớ đừng cãi nhau nữa!

Rồi ngâm khúc giữa vào mồm, nó chạy như bay trước mắt cặp rái cá. Chúng ngồi ủ rũ như thể vừa mất cả ngàn đồng tiền, rồi ngâm vắn kệ thứ sáu:

34. Nếu không tranh cãi chuyện vừa rồi,
Chắc chắn là vừa đủ cá thôi,
Nay bị chớ rùng mang hết thịt,
Chỉ còn để lại khúc đầu, đuôi!

Chớ rùng rất hài lòng, nghĩ thầm: “Nay ta đem cá hồng rohita về cho vợ ta”, rồi nó đi tìm vợ. Chớ cái thấy nó đến liền đơn đả chào mừng và ngâm vắn kệ:

35. Như vua mãn nguyện được cầm quyền,
Thâu gọn giang sơn trị nước yên,
Mãn nguyện ta nhìn chàng trở lại,
Ngâm đầy trong mỏ cá tươi nguyên!

Rồi nó hỏi chớ rùng bằng cách nào kiếm được mỗi ngon qua vắn kệ:

36. Chàng vốn sanh ra ở đất bằng,
Làm sao bắt cá giữa dòng sông?
Phu quân, chàng lập kỳ công ấy,
Cho biết vì sao, thiếp ước mong.

Chớ rùng ngâm vắn kệ giải thích phương cách ấy cho vợ nghe:

37. Vì cạnh tranh nên chúng yếu dần,
Cạnh tranh làm chúng phải suy tàn,
Cạnh tranh, rái cá mất phần hưởng,
Vì vậy Mâyā được miếng ngon.

Và một vần kệ khác nữa xuất phát từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ:

38. Cũng vậy, tranh giành giữa thế nhân,
 Tìm người xử kiện, nó chia phần,
 Gia tài của chúng suy tàn hết,
 Công khổ nhà vua được thịnh hưng.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, chó rừng là Upananda, hai con rái cá là hai người kia, và thần cây chứng kiến câu chuyện chính là Ta.

§401. CHUYỆN LƯỠI KIẾM XỬ DASANNAKA

(*Dasannakajātaka*) (J. III. 336)

Bảo kiếm Dasanna thích máu hồng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về âm mưu quyến rũ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra.

Tỷ-kheo ấy thú nhận đã thối thất vì lý do này. Bậc Đạo sư bảo:

– Nữ nhân ấy đã làm hại ông. Thời xưa, ông cũng đã suýt chết vì tương tự kẻ ấy. Về sau, nhờ các bậc trí ông được cứu sống lại.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Đại vương Maddava trị vì Ba-la-nại, Bô-tát được sinh làm con một gia đình Bà-la-môn. Cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài đi học mọi nghệ thuật tại Takkasilā, và khi về Ba-la-nại, ngài trở thành quốc sư của Vua Maddava về thế sự cũng như thánh sự. Ngài được danh hiệu bậc Hiền trí Senaka và được cả kinh thành sùng kính như mặt trăng, mặt trời.

Thời ấy, con trai của vị tể sư hoàng gia đến yết kiến vua; thấy bà chánh hậu trang điểm ngọc vàng cực kỳ diễm lệ, đâm ra si tình; khi về nhà chẳng chịu ăn uống gì cả, cứ nằm dài ra. Bạn hữu liền hỏi thăm và chàng trai kể hết mọi chuyện. Vua hỏi:

– Con trai của vị tể sư hoàng gia không đến, việc này là thế nào?

Khi nghe duyên cớ, vua cho gọi chàng trai vào và bảo:

– Trẫm trao hoàng hậu cho cậu trong bảy ngày, cứ ở nhà cậu bảy ngày ấy xong, qua ngày thứ tám, cậu trả lại nàng cho ta.

– Thế thì tốt lắm, tâu Đại vương.

Chàng trai đáp rồi đem hoàng hậu về nhà thọ hưởng lạc thú với nàng. Hai người đâm ra say mê nhau và bí mật trốn khỏi nhà chạy sang một xứ khác,

không ai biết họ đi đâu và đường đi của họ chẳng khác nào đường của con tàu trên biển cả.

Vua truyền đánh trống thông báo khắp kinh thành, nhưng dù đã tìm mọi nơi, họ vẫn không thấy nàng đã đến đâu cả. Sau đó, nỗi đau buồn khủng khiếp vì thiếu nàng xâm chiếm trọn tâm can vua. Tim ông bùng nóng rực và trào máu ra ngoài. Tiếp theo đó, máu từ ruột gan chảy ra khiến bệnh trầm trọng thêm. Các ngự y tài danh đều không thể chữa trị được đành bó tay.

Bồ-tát suy nghĩ: “Bệnh này không phải do nội thân vua mà do vua mắc tương tư vì không thấy hoàng hậu. Ta thử dùng vài phương cách chữa trị xem sao.” Ngài liền gọi hai quốc sư hiền trí của vua là Āyura và Pukkusa vào bảo:

– Đức vua không có bệnh gì, ngoại trừ tâm bệnh chỉ vì ngài không thấy hoàng hậu đó thôi. Giờ đây, ngài là bậc cứu hộ cao cả đối với thần dân. Ta quyết tìm mọi cách trị bệnh ngài. Ta muốn triệu tập một đám quần chúng vào sân châu và bảo một người biết xảo thuật nuốt lưỡi kiếm sắc biểu diễn việc này. Ta sẽ đưa Hoàng thượng ra cửa sổ nhìn xuống đám đông. Ngài sẽ nhìn người nuốt lưỡi kiếm và hỏi: “Có việc gì khó hơn thế chẳng?” Lúc ấy, này Tôn giả Āyura, xin hãy đáp: “Ta sẽ từ bỏ vật này vật kia, còn khó hơn nữa.” Sau đó, ngài sẽ hỏi Tôn giả Pukkusa và Tôn giả cần phải trả lời: “Tâu Đại vương, nếu một người nói: ‘Ta từ bỏ vật này vật kia’, rồi lại không bỏ nó được, thì lời nói đó sẽ vô ích thôi. Không ai sống hay uống ăn bằng những lời như vậy, nhưng người nào hành động theo lời nói và đem cho một vật đúng theo lời hứa thì chính họ làm được một việc khó hơn việc kia nữa đấy.” Sau đó, ta sẽ tìm cách tiến hành mọi sự tiếp theo.

Thế là ngài bảo tập hợp một đám đông. Rồi ba bậc trí nhân ấy vào trình vua:

– Tâu Đại vương, có đám đông trong sân châu. Nếu ai nhìn xuống đó sẽ đổi sầu làm vui. Vậy xin Đại vương hãy cùng chúng thần đến đó xem sao!

Ba vị rước vua đến hé mở cửa sổ cho vua nhìn thấy đám đông. Nhiều người lần lượt biểu diễn các xảo thuật mà mình biết. Sau cùng, có một người nuốt lưỡi kiếm sắc cạnh dài ba mươi ba phân.⁵ Vua thấy vậy, suy nghĩ: “Người này đang nuốt lưỡi kiếm, ta muốn hỏi các bậc trí nhân này xem có việc gì khó hơn không?”

Rồi vua ngâm vần kệ đầu hỏi Āyura:

39. Bảo kiếm Dasanna thích máu hồng,
Cạnh đều sắc nhọn thật hoàn toàn,
Giữa đông người, nó ăn thanh kiếm,
Chẳng có việc nào khó nữa chẳng,
Ta hỏi có gì đem sánh được,
Nhờ khanh giải đáp, hỡi hiền nhân?

Āyura ngâm vần kệ thứ hai đáp lời:

⁵ 33 phân Anh, khoảng 80cm.

40. Lòng tham dụ kẻ nuốt thanh gươm,
Cho dầu lưỡi gươm bén thập toàn,
Song nói: “Ta cho, lòng tự nguyện”,
Là điều khó thực hiện vô cùng,
Mọi điều gì khác đều không khó,
Đại đế Kiệt-đà, tôi giải phân.

Khi vua nghe lời Āyura, ông liền suy nghĩ: “Thế thì bảo: ‘Ta cho vật này’ còn khó hơn nuốt thanh kiếm. Vậy ta đã nói: ‘Ta ban hoàng hậu cho con trai tế sư’, tức là ta đã làm một việc rất khó.” Nhờ thế, nỗi đau buồn trong tâm vua lắng dịu được một chút. Rồi vua suy nghĩ: “Có gì khó hơn nói: ‘Ta cho người khác vật này’ chẳng?” Ông lại ngâm vắn kệ thứ ba nói chuyện với Trí giả Pukkusa:

41. Āyura đã giải đáp lời ta,
Trí tuệ cao siêu quả thật là,
Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé,
Còn gì khó nữa, hỡi Pukkusa,
Nếu đem so sánh điều trên ấy,
Hiền giả, xin mời giải đáp ta.

Trí giả Pukkusa ngâm vắn kệ thứ tư đáp lại:

42. Người ta không sống được bằng lời,
Lời nói thốt ra uổng phí thôi,
Song nếu đem cho không tiếc nuôi,
Việc này còn khó bội hơn rồi,
Mọi điều gì khác đều không khó,
Đại đế, đây lời đáp của tôi.

Vua nghe như vậy liền suy nghĩ: “Trước tiên ta nói: ‘Ta sẽ đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư,’ rồi ta đã làm theo lời hứa và đem nàng cho đi. Hiền nhiên ta đã làm một việc rất khó.” Do vậy, nỗi sầu của vua giảm bớt phần nào. Rồi ông chợt nghĩ: “Không có ai thông thái hơn Trí giả Senaka. Ta muốn hỏi vị ấy câu này.” Ông liền ngâm vắn kệ thứ năm hỏi ngài:

43. Pukkusa đã giải đáp lời ta,
Trí tuệ cao siêu quả thật là,
Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé,
Còn gì khó nữa, hỡi Senaka,
Nếu đem so sánh điều trên ấy,
Hiền giả, xin mời giải đáp ta.

Senaka ngâm vắn kệ thứ sáu đáp lời vua:

44. Nếu người có của đã đem cho,
Bất luận là gì, dầu nhỏ to,
Đừng tiếc nuôi sau khi bố thí,
Việc này quả thật khó hơn mà,

Mọi điều gì khác đều không khó,
Xin đáp Đại vương Ma-kiệt-đà.

Vua nghe lời Bồ-tát, lại suy nghĩ: “Ta đã đem hoàng hậu ban cho con trai tể sư do ta tự nguyện, nay ta lại không kiềm chế nổi ưu tư, ta sinh phiền não, héo mòn. Thật không xứng đáng với ta. Nếu nàng thương yêu ta thì nàng đã không bỏ vương quốc mà chạy trốn như vậy. Ta còn phải liên hệ gì với nàng khi nàng đã không yêu thương ta và bỏ trốn đi!”

Trong lúc vua suy nghĩ như vậy, mọi sầu não đều rơi rụng hết như giọt nước đổ trên lá sen. Lập tức tâm vua được bình an. Ông hồi phục sức khỏe và an lạc ngâm vãn kệ cuối cùng tán thán Bồ-tát:

45. Āyura giải đáp lời ta,
Thế rồi Trí giả Pukkusa cũng vậy,
Lời Senaka quả thật hay,
Trong ba lời giải, lời này tối ưu.

Sau khi tán thán, vua hoan hỷ ban thưởng ngài nhiều vàng bạc châu báu.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Khi các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hoàng hậu là người vợ cũ, vua là Tỷ-kheo thối thất, Āyura là Moggallāna, Pukkusa là Sāriputta và Trí giả Senaka chính là Ta.

§402. CHUYỆN TÚI DA ĐỰNG BÁNH (*Sattubhastajātaka*) (J. III. 341)

Tâm tư lão rồi loạn, ưu phiền...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng. Chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.⁶

Ngày xưa, có vị vua tên là Janaka trị vì Ba-la-nại. Thời ấy, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn, cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài theo học các nghệ thuật tại Takkaṣilā rồi trở về Ba-la-nại yết kiến vua. Vua phong cho ngài chức vụ đại thần và ban cho ngài đại vinh hiển.

Ngài dạy vua về thế sự lẫn thánh sự. Là người thuyết pháp khả ái, ngài an trú vua vào ngũ giới, bố thí, hành trì ngày trai giới và thập thiện đạo. Như vậy, tức là an trú vua vào chánh hạnh. Toàn quốc độ được ở cảnh như thời có chư Phật xuất hiện. Vào các ngày trai giới nửa tháng một lần, nhà vua, các phó

⁶ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

vương, cận thân đều tụ tập và trang hoàng phòng họp. Bồ-tát thuyết pháp trong một giảng đường tôn nghiêm trên bảo tòa nạm ngọc với vẻ uy nghi của một vị Phật. Lời ngài dạy chẳng khác gì lời dạy của chư Phật.

Thời ấy, có một Bà-la-môn già nua, xin tiền bố thí được một ngàn đồng, để dành trong một gia đình Bà-la-môn, rồi lại làm hành khất thêm nữa. Khi ông ra đi, gia đình nợ tiêu hết cả tiền. Sau đó, ông trở lại đòi số tiền. Vì gia chủ không có tiền trả nên gả con gái cho ông làm vợ. Vị Bà-la-môn già đem nàng về cư ngụ trong một làng Bà-la-môn không xa Ba-la-nại. Vì cô vợ còn trẻ nên không thỏa mãn tham dục và phạm tà hạnh với một Bà-la-môn trẻ.

Ở đời có mười sáu việc không thể nào thỏa mãn. Đó là mười sáu việc gì? Biển không thỏa mãn với các dòng sông; lửa không thỏa mãn với nhiên liệu; vua không thỏa mãn với quốc độ; kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp; nữ nhân không thỏa mãn với ba việc: Ân ái, nữ trang và sinh con; Bà-la-môn không thỏa mãn với Thánh kinh; bậc trí không thỏa mãn với thiền định; bậc Hữu học không thỏa mãn với danh vọng; người ly tham không thỏa mãn với khổ hạnh; người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực; người hay nói không thỏa mãn với chuyện trò; nhà chính trị không thỏa mãn với hội nghị; người mộ đạo không thỏa mãn với việc phục vụ Giáo hội; người thích bố thí không thỏa mãn với việc bố thí; người đa văn không thỏa mãn với việc nghe pháp; tứ chúng không thỏa mãn với việc yết kiến đức Phật.

Vì thế, nữ nhân Bà-la-môn này không thỏa mãn việc ân ái, muốn đẩy chồng đi xa và phạm tà dục một cách táo bạo. Một ngày kia, cô ả nằm dài theo gian kẻ đã dự trù. Khi ông chồng hỏi:

– Nàng ơi, nàng làm sao thế?

Cô ả đáp:

– Chàng Bà-la-môn ơi, thiếp không thể làm việc nhà chàng được nữa, phải kiếm một nữ tỳ.

– Nàng ơi, ta không có tiền, vậy ta sẽ lấy gì để mua nữ tỳ chứ?

– Chàng hãy làm hành khất kiếm tiền mà thuê nữ tỳ.

– Thế nàng hãy sắp đặt vài vật để ta lên đường.

Cô ả đặt vào túi da đủ các thứ bột bánh đã nướng và chưa nướng, xong trao cho lão. Lão Bà-la-môn đi qua mọi thôn làng thành thị, kiếm được bảy trăm đồng, nghĩ thầm: “Số tiền này đủ để mua gia nô nữ tỳ rồi”, lão liền trở về làng. Đến một địa điểm thuận tiện để uống nước, lão mở túi xách ăn một ít bánh nướng, rồi đi uống nước mà không buộc miệng túi. Lúc ấy, một con rắn hổ trong thân cây rỗng, ngửi được mùi bánh, bò vào túi nằm cuộn tròn ăn bánh. Lão trở lại, không nhìn vào túi, cứ buộc túi lại và vác lên vai ra đi.

Lúc ấy, một vị thần cây ngồi trên bọng thân cây ấy đến bảo cho lão biết trên đường đi:

– Nay Bà-la-môn, nếu lão dừng lại trên đường, lão sẽ chết; còn nếu lão về nhà thì vợ lão sẽ chết đấy.

Xong vị thần biến mất. Lão nhìn quanh không thấy vị thần nên lòng kinh hoảng vì sợ chết, vừa đi đến cổng thành Ba-la-nại vừa khóc than.

Hôm ấy, vào ngày rằm trai giới, ngày Bồ-tát thuyết pháp, ngài đang ngồi trên bảo tòa trang nghiêm và một đám đông đem hương hoa đủ loại đến từng đoàn nghe pháp. Lão Bà-la-môn hỏi:

– Các người đi đâu thế?

Họ đáp:

– Nay lão Bà-la-môn, hôm nay bậc Trí giả Senaka thuyết pháp với giọng êm dịu và với oai lực của một bậc Giác ngộ. Lão không biết ư?

Lão suy nghĩ: “Họ bảo ngài là một bậc thuyết pháp hiền trí, còn ta đang lo âu sợ chết; các bậc trí có khả năng diệt trừ các đại phiền não, vậy ta nên đến đó nghe pháp.” Vì thế, lão cùng đi với họ, khi quần chúng và vua đã ngồi chung quanh Bồ-tát, lão đứng bên ngoài không xa pháp tòa, với túi thức ăn trên vai và nỗi sợ chết. Bồ-tát thuyết giảng chẳng khác nào ngài đang đưa cả dải thiên hà xuống trần giới hay đổ trận mưa đầy thực phẩm thiên giới cho đời.

Quần chúng vô cùng hoan hỷ tán thưởng, lắng tai nghe pháp. Các bậc trí thường nhìn xa thấy rộng. Vào lúc ấy, Bồ-tát mở đôi mắt có đủ năm vẻ đẹp nhìn khắp hội chúng, thấy vị Bà-la-môn, liền nghĩ: “Cả hội chúng đông đảo này tràn ngập hân hoan nghe pháp và tán thưởng, chỉ trừ một Bà-la-môn ủ rũ khóc lóc. Chắc hẳn phải có nỗi sâu tư nào trong lòng khiến lão tuôn lệ. Cũng giống như tẩy rỉ sét với chất chua, hay làm một giọt nước rơi khỏi lá sen, ta sẽ thuyết pháp cho lão giải sầu và an vui tâm trí.” Vì thế, ngài gọi lão:

– Nay lão Bà-la-môn, ta là Trí giả Senaka, nay ta muốn giải mối sầu cho lão, hãy mạnh dạn nói ra đi!

Ngài ngâm vần kệ đầu hỏi lão:

46. Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền,
Nước mắt chảy là cơ hiển nhiên,
Lão mất gì, vào đây muốn kiếm,
Thứ gì? Hãy nói rõ ngay liền.

Sau đó, Bà-la-môn ngâm vần kệ bày tỏ duyên cớ nỗi sầu:

47. Vợ chết nếu tôi trở lại nhà,
Còn không, tôi sẽ hóa ra ma,
Điều này làm trái tim đau nhói,
Xin giải vấn đề, hỡi Senaka!

Nghe vị Bà-la-môn nói, Bồ-tát bủa giăng tấm lưới tri kiến như ném lưới vào biển cả và suy nghĩ: “Có nhiều nguyên nhân gây tử vong ở đời này: Một số chết chìm ngoài biển, hoặc bị loài cá dữ ăn thịt; một số rơi xuống sông Hằng,

hay bị cá sấu vồ; một số khác rơi từ cây xuống, hay bị gai nhọn đâm; một số bị khí giới đủ loại đánh vào người; một số khác ăn nhầm chất độc, bị treo cổ hay rớt xuống vực sâu, chết công vì giá buốt, hay các loại bệnh tấn công. Nay giữa mọi duyên cớ ấy, lão Bà-la-môn này phải chết vì cớ nào nếu lão ở nán lại trên đường đi hôm nay, hoặc vợ lão phải chết nếu lão về nhà?”

Trong lúc suy xét, ngài thấy cái túi trên vai lão và nghĩ: “Chắc hẳn có con rắn chui vào túi, có lẽ vì nó đã nghe mùi bánh khi lão ăn sáng và đi uống nước mà quên buộc miệng túi xách. Sau khi uống nước xong, lão Bà-la-môn trở lại và có lẽ đã tiếp tục lên đường sau khi buộc túi và cầm túi lên mà không thấy con rắn bò vào. Nếu lão ở nán lại trên đường, đến tối lão sẽ tự nhủ lúc dừng chân: ‘Ta muốn ăn bánh.’ Rồi mở túi ra, lão sẽ đặt tay vào, con rắn sẽ cắn tay lão gây tử vong. Đây chính là nguyên nhân lão sẽ chết nếu ở lại trên đường. Nhưng nếu lão về nhà, túi ấy sẽ đến tay vợ lão, bà ta sẽ nói: ‘Ta muốn xem đồ đạc bên trong’, rồi bà ta mở túi ra và đặt tay vào, con rắn sẽ cắn bà ta bỏ mạng. Đây chính là nguyên nhân vợ lão chết nếu lão về nhà hôm nay.” Ngài biết được điều này do trí của ngài tinh xảo về mọi phương tiện.

Lúc ấy, ngài lại suy nghĩ: “Đây chắc hẳn là con rắn hổ đen táo bạo, không hề biết sợ, nên khi cái túi da đập vào sườn lão Bà-la-môn, nó chẳng nhúc nhích hay run rẩy gì cả. Nó cũng không tỏ dấu hiệu là nó đang có mặt tại hội chúng đông đảo này; do đó, nó phải là con rắn hổ đen táo bạo, không biết sợ.”

Từ tri kiến tinh xảo các phương tiện, ngài biết điều này như thể ngài chứng kiến với thiên nhãn. Như vậy, ngài chẳng khác nào một người đứng gần đó nhìn con rắn bò vào túi, rồi quyết định sự việc bằng tri kiến tinh xảo của ngài. Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp câu hỏi của vị Bà-la-môn ngay giữa hội chúng triều đình:

48. Suy xét mọi nghi hoặc trước tiên,
Nay ta tuyên bố sự đương nhiên,
La-môn, trong túi đồ ăn ấy,
Đã lén chui vào rắn hổ đen!

Nói vậy xong, ngài hỏi:

- Nay lão Bà-la-môn, có thứ bánh nào trong túi xách của lão chẳng?
- Thừa Trí giả, có.
- Thế lão có ăn bánh lúc điểm tâm sáng nay chẳng?
- Thừa Trí giả, có.
- Thế lão đã ngồi đâu?
- Ở trong rừng, dưới một gốc cây.
- Thế khi lão ăn bánh xong và đi uống nước, lão có buộc miệng túi lại hay không?
- Thừa Trí giả, tôi không buộc.

– Khi lão đã uống nước và trở về, lão có buộc miệng túi sau khi nhìn vào trong không?

– Thừa Trí giả, tôi buộc miệng túi mà không nhìn vào trong.

– Nay lão Bà-la-môn, khi lão đi uống nước, ta chắc là con rắn đã lén vào túi do ngửi mùi bánh mà lão không biết. Đây là trường hợp này. Vậy lão mau đặt túi xuống để ngay giữa hội chúng và mở miệng túi ra. Lấy gậy đập vào túi, rồi lão sẽ thấy con rắn hổ đen bò ra với chiếc mòng giương rộng và rít lên. Lão sẽ hết hồ nghi.

Ngài lại ngâm vãn kệ thứ tư:

49. Cầm gậy đập lên chiếc túi dày,
 Im hơi, hai lưỡii chính con này,
 Trí ông hết rồi vì nghi hoặc,
 Mở túi rồi ông thấy rắn ngay!

Vị Bà-la-môn làm theo lời Bồ-tát bảo, mặc dù lão hết sức kinh hoàng chân động. Con rắn bò ra khỏi túi khi đầu nó bị chiếc gậy đánh trúng, và nó dừng lại nhìn mọi người.

Bậc Đạo sư ngâm vãn kệ thứ năm giải thích vắn đề:

50. Kính hải, lão ra giữa đám đông,
 Mở dây chiếc túi đựng đồ ăn,
 Một con rắn hổ bò hung dữ,
 Kiêu hãnh giương cao cả chiếc mòng!

Khi con rắn bò ra với chiếc mòng giương cao, đó là điềm báo hiệu Bồ-tát sẽ là vị Phật Chánh Đẳng Giác. Đám đông bắt đầu vỗ khăn và búng tay hàng ngàn người, bảy báu vật được ném tung ra như thể mưa rào, hàng ngàn tiếng hô: “Tốt lành thay!” vang dậy, ồn ào như đất lở.

Lời giải đáp một câu hỏi như vậy do uy lực của một bậc Giác ngộ chứ không phải nhờ vào nguồn gốc sinh trưởng, cũng không phải do uy lực của người giàu sang danh vọng. Vậy đó là uy lực gì? Chính là uy lực của tri kiến. Người có tri kiến làm trí tuệ tăng trưởng, mở rộng cánh cửa đi vào các Thánh đạo, chứng đắc Niết-bàn bất tử tối thượng và thành tựu viên mãn các quả vị Thanh văn, Độc giác và Chánh đẳng giác. Tri kiến là điều tối thắng giữa các đức tính đưa đến Niết-bàn bất tử tối thượng. Mọi thành phần khác đều là phụ thuộc. Do vậy, có câu tục ngữ:

51. Người thiện bảo tri kiến tối ưu,
 Như trăng đi giữa các vì sao,
 Tiền tài, đức hạnh, lòng công chánh,
 Là các nô tỳ bậc trí cao.

Khi câu hỏi đã được Bồ-tát giải đáp xong, một người nhử rắn làm một chiếc khăn bịt miệng rắn rồi đến chụp lấy nó và đem thả vào rừng.

Vị Bà-la-môn đi đến yết kiến vua, kính chào xong, lại ngâm vịnh kệ tán tụng vua:

Chúa thượng Janaka, lợi lạc thay,
Đại vương có bậc trí nhân này.

Sau khi ca tụng vua, lão cầm bảy trăm đồng tiền trong túi ra, vừa tán thán Bồ-tát vừa ngâm một vần kệ rưới bày tỏ ước muốn bố thí trong niềm hoan hỷ:

Trí ngài đáng sợ, hồ nghi biến,
Trước mắt ngài nhìn thấu suốt ngay.

52. Này đây có cả bảy trăm đồng,
Xin nhận lấy ngay vật hiến dâng,
Vì chính nhờ ngài, tôi được sống,
Cùng nguồn an lạc của thân nhân.

Nghe vậy, Bồ-tát ngâm vịnh kệ thứ chín:

53. Bậc trí không dùng vật cúng dâng,
Chỉ vì các khúc kệ ca ngâm,
Tốt hơn, ta tặng luôn tiền ấy,
Trước lúc lão về lại cố hương.

Nói vậy xong, Bồ-tát đưa trọn số tiền trả lại vị Bà-la-môn và hỏi:

- Ai bảo lão đi kiếm số tiền này?
- Thưa Trí giả, chính hiền nội.
- Thế hiền nội già hay trẻ?
- Thưa Trí giả, hiền nội còn trẻ.

– Thế thì cô ả đang phạm tà hạnh với kẻ khác nên đã bảo lão đi xa vì nghĩ cần phải hành động như thế cho an toàn. Nếu lão đem số tiền này về nhà, cô ả sẽ đem cho tình nhân số tiền do lão khổ công kiếm được. Vậy lão không nên về nhà ngay mà phải để số tiền ngoài thành phố, dưới gốc cây đầu đó.

Nói xong, ngài bảo lão ra đi. Khi lão đến gần làng, lão chôn tiền vào một gốc cây và về đến nhà lúc chiều tối. Lúc ấy, vợ lão đang ngồi với tình nhân. Vị Bà-la-môn đứng ở cửa gọi to:

– Nàng ôi!

Cô ả nhận ra tiếng lão, vội tắt đèn và ra mở cửa. Khi lão đã vào trong, cô ả dẫn kẻ kia ra cửa, rồi trở vào nhà, chẳng thấy món gì trong túi, liền hỏi:

- Này chàng Bà-la-môn, chàng kiếm được của bố thí gì trên đường đi thế?
- Một ngàn đồng tiền.
- Thế tiền đâu rồi?
- Nó được chôn ở chốn nọ, nhưng đừng lo, ngày mai ta sẽ đi lấy nó.

Cô ả liền đi báo cho tình nhân biết. Hắn đến đó lấy tiền ngay như thể tài sản của hắn vậy. Hôm sau, vị Bà-la-môn đến nhưng không thấy tiền đâu, liền đi tìm Bò-tát, ngài hỏi:

- Này lão Bà-la-môn, có việc gì thế?
- Thưa Trí giả, tôi không thấy tiền đâu cả.
- Thế lão có nói cho vợ biết chăng?
- Thưa Trí giả, có.

Biết là cô vợ đã báo cho tình nhân rõ, Bò-tát bảo:

- Này lão Bà-la-môn, thế có vị Bà-la-môn nào là bạn của vợ lão không?
- Thưa Trí giả, có.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ truyền người đem đến một số tiền đủ chi phí trong bảy ngày để cho lão và dặn:

– Hãy ra về và hai vợ chồng lão hãy đãi tiệc mời mười bốn vị Bà-la-môn đầu tiên, gồm bảy người bạn lão và bảy người bạn của vợ lão. Rồi từ đó về sau cứ mỗi ngày bớt một vị khách cho đến ngày thứ bảy, lão chỉ mời một Bà-la-môn và vợ lão mời một. Khi ấy, nếu lão thấy vị Bà-la-môn được vợ lão mời vào ngày thứ bảy ấy đã đến các lần trước thì hãy báo cho ta.

Lão Bà-la-môn làm theo lời ngài, rồi đến trình Bò-tát:

– Thưa Trí giả, tôi đã nhận thấy vị Bà-la-môn luôn luôn đến làm thực khách của nhà tôi.

Bò-tát sai người đi theo lão, đem vị Bà-la-môn ấy đến và hỏi:

– Có phải anh lấy một ngàn đồng tiền của lão này giấu ở dưới gốc cây nọ chăng?

- Thưa Trí giả, tôi không lấy.
- Thế anh biết ta là Trí giả Senaka ư? Ta muốn bảo anh đem số tiền ấy về đây.

Hắn sợ hãi thú nhận:

- Tôi đã lấy số tiền ấy.
- Thế anh đã làm gì?
- Thưa Trí giả, tôi cất ở chỗ nọ.

Bò-tát lại hỏi vị Bà-la-môn già kia:

- Này lão Bà-la-môn, lão muốn giữ vợ lại hay lấy vợ khác?
- Thưa Trí giả, cho lão được phép giữ vợ lại.

Bò-tát sai người đi lấy số tiền và đem cô vợ lão đến, trao số tiền từ tay kẻ trộm ấy lại cho lão Bà-la-môn, rồi ngài trừng phạt kẻ trộm, đuổi hắn ra khỏi tỉnh và trừng phạt luôn cô vợ. Về sau, ngài ban lão Bà-la-môn đại vinh dự bằng cách cho phép lão sống ở gần ngài.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, nhiều Tỷ-kheo đạt Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy vị Bà-la-môn là Ānanda, vị thần cây là Sāriputta, hội chúng là Tăng chúng của Như Lai và Trí giả Senaka chính là Ta.

§403. CHUYỆN TRÍ GIẢ ATṬHISENA (*Aṭṭhisenajātaka*)⁷ (J. III. 351)

Aṭṭhi, lắm kẻ đến mong cầu...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại đền Aggālava gần Ālavī về các điều lệ xây tịnh thất. Câu chuyện đã được nêu trong *Chuyện vua rắn Maṇikanṭha*.⁸

Bậc Đạo sư bảo Tăng chúng:

– Nay các Tỷ-kheo, ngày xưa trước khi Bô-tát ra đời, các ân sĩ ngoại đạo dù được vua ban đặc ân cũng không bao giờ cầu xin điều gì cả, vì thấy rằng cầu xin kẻ khác không đem lại an lạc thư thái.

Nói vậy xong Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bô-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là nam tử Aṭṭhisena. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilā; và về sau, nhận thấy nỗi đau khổ của tham dục, ngài xuất gia tu tập và thành đạt các thắng trí cùng các thiền chứng. Ngài sống ở vùng Tuyết sơn, sau đó xuống vùng dân cư tìm muối và giấm. Ngài đi đến Ba-la-nại, ở trong một lâm viên. Hôm sau ngài đi khát thực tại cung đình.

Vua hài lòng trước phong cách oai nghi của ngài, liền cho người mời ngài vào, đặt ngài ngồi lên sàng tọa trên sân thượng và cúng dường thực phẩm. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, vua rất hân hoan, và nhận được lời ngài hứa hẹn sẽ cư ngụ trong ngự viên. Vua đến tham kiến Bô-tát mỗi ngày hai, ba lần. Một hôm, vua hoan hỷ nghe ngài thuyết pháp xong, liền ban cho ngài một điều ước:

– Xin ngài hãy nói cho trăm biết bất cứ điều gì ngài ước nguyện, từ quốc độ của trăm trở xuống!

Bô-tát không đáp: “Hãy cho ta vật này vật nọ”; nhiều kẻ khác đòi hỏi những vật nào họ mong ước, thường bảo: “Cho tôi vật này”; và vua ban vật đó nếu không ham thích nó nữa.

Một hôm, vua suy nghĩ: “Nhiều người mong cầu đặc ân hoặc các khát sĩ thường xin ta vật này vật nọ; nhưng Hiền giả Aṭṭhisena cao quý này, từ khi ta

⁷ Tham chiếu: S. I. 117, *Sambhulasutta* (Kinh Đa số); Miln. 228, *Gāthābhigītābhojanakathāpaṇḥo* (Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ); Vin. III. 145; Tap. 雜 (T.02. 0099.1331. 0367c01); Biệt Tap. 別雜 (T.02. 0100.351. 0489b07).

⁸ Xem J. II. 282, *Maṇikanṭhajātaka* (Chuyện vua rắn Maṇikanṭha), số §253.

ban điều ước, vẫn không xin gì cả. Ngài thật là bậc có trí tuệ và thiện xảo các phương tiện. Ta muốn hỏi ngài.”

Thế rồi một hôm, sau buổi điểm tâm, nhà vua ngồi một bên, hỏi ngài lý do vì sao nhiều người khác cầu xin ân huệ còn ngài thì không; và vua ngâm vắn kệ đầu:

54. Atthi, lăm kē đên mong câu,
Cho dẫu họ xa lạ biết bao,
Lũ lượt xin ta ban thỉnh nguyện,
Còn ngài không ước vọng, vì sao?

Nghe vậy, Bô-tát ngâm vắn kệ thứ hai:

55. Hai kẻ cầu ân hoặc chối từ,
Thấy đều không đẹp ý bao giờ,
Đây là duyên cớ, xin đừng giận,
Khiến tiểu thần không thỉnh nguyện vua.

Nghe lời ngài, vua ngâm tiếp ba vắn kệ nữa:

56. Người nào kiếm sống, khân cầu hoài,
Chẳng đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác suy tàn đức độ,
Chính mình chẳng có kế sinh nhai.
57. Người nào kiếm sống, khân cầu hoài,
Thường đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác tăng dần đức độ,
Chính mình cũng được kế sinh nhai.
58. Bậc có trí không thấy hận sân,
Khi người lũ lượt đến cầu ân,
Nói đi, Thánh giả là thân hữu,
Điều ước ngài không thể lỗi lầm.

Như vậy, dù được ban tặng cả vương quốc, Bô-tát cũng không cầu mong gì. Khi nguyện vọng của nhà vua đã được phát biểu như vậy, Bô-tát liền bày tỏ đường lối của ản sĩ:

— Thừa Đại vương, người thế tục và gia chủ thường thích thỉnh nguyện, chứ không phải người xuất thế; vì từ khi phát nguyện xuất gia, ản sĩ phải sống đời thanh tịnh khác với gia chủ.

Rồi ngài ngâm vắn kệ thứ sáu bày tỏ nếp sống ản sĩ:

59. Bậc trí không hề thỉnh nguyện đâu,
Thế nhân phải biết rõ như sau,
Trí nhân thỉnh nguyện ngồi im lặng,
Như thế là người trí thỉnh cầu.

Vua nghe lời Bô-tát liền nói:

– Bạch Tôn giả, nếu một người phục vụ có trí tự nguyện cống hiến thân hữu mình những gì cần được cống hiến thì trăm xin tặng Tôn giả những vật như vậy:

60. Ngàn bò trăm tặng Bà-la-môn,
Bò đỏ, thêm người hướng dẫn đường,
Nghe các nghiệp ngài đầy thánh thiện,
Trăm nay phát khởi nghiệp hiền lương.

Khi vua nói vậy, Bồ-tát từ chối và bảo:

– Thưa Đại vương, ta đã sống đời tu tập xa lìa cầu uế, ta không cần đàn bò.

Vua tuân thủ lời khuyến giáo của ngài, chuyên tâm bố thí và làm nhiều thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới. Còn Bồ-tát không hề gián đoạn thiền định nên tái sanh lên cõi Phạm thiên.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda và Aṭṭhisena chính là Ta.

§404. CHUYỆN HẬU VƯƠNG (*Kapijātaka*)⁹ (J. III. 355)

Người trí không nên ở chốn nào...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Thấy Tăng chúng đang bàn luận việc này tại pháp đường, Ngài bảo:

– Đây không phải lần đầu Devadatta và hội chúng của kẻ ấy bị tiêu diệt mà xưa kia cũng vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào loài khỉ sống trong ngự viên, cùng cả đàn tùy tùng năm trăm con khỉ. Devadatta cũng được sinh làm khỉ, cùng sống tại đó với một bầy năm trăm con khỉ khác.

Một hôm, vị tể sư của nhà vua đi ra vườn tắm rửa, trang điểm thân thể xong, một con khỉ tinh nghịch leo lên ngồi trên cổng vòng cung của ngự viên, thả cục phân rơi trên đầu vị ấy lúc ông đi qua cổng. Khi vị tể sư nhìn lên, nó lại thả thêm một cục phân vào miệng ông. Vị tể sư quay lại, hăm dọa bầy khỉ:

– Được lắm, ta sẽ biết cách trừng trị người.

Rồi ông lại tắm rửa và ra về. Bầy khỉ trình lại với Bồ-tát rằng vị tể sư nổi giận và hăm dọa chúng như vậy. Ngài thông báo cho cả bầy ngàn con khỉ:

⁹ Xem J. I. 486, *Kākajātaka* (Chuyện con quạ), số §140.

– Ở gần nơi cư trú của kẻ sân hận là không an toàn, vậy cả đàn khỉ nên chạy trốn đi nơi khác.

Một con khỉ không vâng lệnh, giữ bầy khỉ của nó lại, không chạy trốn và bảo:

– Ta sẽ xét lại việc ấy sau.

Bồ-tát đem bầy khỉ đi vào rừng.

Một hôm, có một nữ tỳ giã gạo và phơi nắng một ít gạo; một con dê đến ăn gạo đã bị một cây đuốc đập vào mình, nó chạy trốn, mình cháy đỏ rực, vội chà mình vào vách lều cỏ gần chuồng voi. Ngọn lửa bắt vào lều cỏ lan qua chuồng voi làm lưng các con voi bị phỏng. Các thú y được mời đến chăm sóc bầy voi.

Vị tể sư hoàng gia vẫn luôn tìm cơ hội bắt bầy khỉ. Lúc vị ấy đang ngồi châu nhà vua, nhà vua bảo:

– Này tể sư, nhiều con voi của ta bị thương và các thú y chuyên về voi lại không biết cách chữa trị, vậy khanh có biết cách chữa không?

– Tâu Đại vương, thần biết.

– Cách gì thế?

– Tâu Đại vương, mỡ khỉ.

– Làm sao có được thứ ấy?

– Có rất nhiều khỉ trong ngục viên.

Vua phán:

– Giết bầy khỉ để lấy mỡ.

Các xạ thủ đem cung tên đi giết cả năm trăm con khỉ. Một con khỉ già trốn thoát được dù nó bị thương do mũi tên và chưa ngã ngay tại chỗ, nó chỉ ngã xuống khi đến nơi ở của Bồ-tát. Bầy khỉ bảo nhau:

– Nó đã chết khi vừa đến chỗ ở của ta.

Và chúng kể lại với Bồ-tát rằng con khỉ kia chết do vết thương ấy. Ngài bước ra ngồi giữa bầy khỉ, ngâm các vần kệ này để khuyên giáo chúng với lời khuyên của bậc trí, đó là: “Người nào ở gần kẻ thù đều phải chết như vậy.”

61. Người trí không nên ở chốn nào,
Cừu nhân cư trú, dẫu dài lâu,
Hay chỉ một, hai đêm cũng vậy,
Đến gần sẽ gặp nỗi sầu đau.

62. Kẻ ngu là địch thủ cho ai,
Vẫn trót tin lời nó nói sai,
Con khỉ ngu si đem đại họa,
Cho bầy của nó thế mà thôi.

63. Một kẻ ngu si đứng trưởng đoàn,
Vì kiêu căng muốn tỏ khôn ngoan,

- Sẽ không khác khi này gây họa,
Mãi mãi đưa đường đến bại vong.
64. Kẻ mạnh ngu si chẳng tốt lành,
Lãnh phần bảo vệ cả đàn mình,
Nó là tai họa cho đồng loại,
Chẳng khác chim mồi đáng hãi kinh.
65. Trưởng đoàn hùng dũng trí khôn ngoan,
Làm tốt để canh giữ cả đoàn,
Chẳng khác Indra bên hội chúng,
Là phần thưởng của các thân bằng.
66. Người nào đủ giới hạnh hoàn toàn,
Trí tuệ tinh thông, học tập luôn,
Hành động người này đem phước lạc,
Cho mình cùng với các tha nhân.
67. Vậy thì giới hạnh lẫn đa văn,
Tri kiến học hành, luyện bản thân,
Như thể vị hiền nhân độc trú,
Hoặc lo bảo vệ đám thân bằng.

Như vậy, Bồ-tát trở thành hầu vương, và giảng giải đường lối học tập giới luật.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con khi không tuân lệnh là Devadatta, bấy khi của nó là hội chúng của Devadatta và hầu vương có trí là Ta.

§405. CHUYỆN PHẠM THIÊN BAKA (*Bakabrahmajātaka*)¹⁰ (J. III. 358)

Chúng tôi tất cả bảy mươi hai...

Bậc Đạo sư kể chuyện này khi trú tại Kỳ Viên về Phạm thiên Baka.

Một tà kiến sinh khởi trong tâm vị Phạm thiên này, đó là: “Cõi sinh hữu này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, bất biến; ngoài nơi này ra không có sự cứu độ hay giải thoát gì nữa.”

Trong một đời trước, vị Phạm thiên này đã thực hành thiên định, vì thế được tái sinh vào cõi trời Quảng Quả (Vehapphala). Sau khi đã trải qua đời sống ở đó trong năm trăm kiếp (*kappa*), vị ấy tái sinh vào cõi trời Biên Tịnh (Subhakinha). Sau khi đã trải qua sáu mươi bốn kiếp tại đó, vị ấy mạng chung và tái sinh vào cõi trời Quang Âm (Ābhassara), nơi đời sống kéo dài trong tám kiếp. Và chính tại đó, tà kiến này khởi lên trong tâm vị ấy.

¹⁰ Xem S. I. 142, *Bakabrahmasutta* (Kinh Phạm thiên Baka).

Vị Phạm thiên này quên rằng mình đã từng sống ở các cõi Phạm thiên cao hơn và đã tái sinh vào cảnh giới này. Do nhận thức các điều trên, vị ấy chấp thủ tà kiến. Bạch Đạo sư thấu hiểu các tư tưởng của vị ấy, và thật dễ dàng như một lực sĩ duỗi cánh tay cho thẳng ra hay cong cánh tay trở lại, Ngài biến mất ở Kỳ Viên và xuất hiện ở Phạm thiên giới ấy. Vị Phạm thiên thấy Ngài liền thưa:

– Thiện lai Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy đến đây! Bạch Thế Tôn, thế giới này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, tuyệt đối, bất biến; thế giới này không sinh, không già, không chết, không biến hoại, không tái sinh. Ngoài thế giới này, không có sự cứu độ nào cao hơn nữa.

Khi lời này được vị Phạm thiên Baka nói ra, Thế Tôn bảo:

– Phạm thiên Baka đã si mê, đã lầm lạc khi nói rằng một vật không thường hằng là thường hằng, một vật không vĩnh cửu là vĩnh cửu, cùng những điều tương tự như ngoài thế giới này không có sự cứu độ nào cao hơn nữa trong khi vẫn có sự cứu độ khác.

Nghe lời này, vị Phạm thiên suy nghĩ: “Thế Tôn đang khuyến giáo ta khi nhận ra chính xác những lời ta nói.”

Rồi như một kẻ trộm rụt rè sau khi bị đám vài cái, vị ấy đáp:

– Đệ tử đâu phải là tên trộm duy nhất? Còn nhiều vị này, vị nọ cũng đều là các tên trộm khác nữa.

Rồi vị ấy nêu tên các vị thiên cùng một hội chúng; như vậy, vị Phạm thiên lo sợ đức Phật chất vấn nên đã ngâm vãn kệ đầu tiên nói lên các vị thiên cùng hội chúng của mình:

68. Chúng tôi tất cả bảy mươi hai,
Chân chánh và cao cả tuyệt vời,
Sanh, lão chúng tôi đã giải thoát,
Cõi này là trí tuệ nhà trời,
Không thiên giới khác cao hơn nữa,
Nhiều kẻ tán đồng quan điểm tôi.

Nghe lời này, bậc Đạo sư ngâm vãn kệ thứ hai:

69. Đòi ngài ngăn ngủi ở thiên đàng,
Tưởng đời trường thọ quả sai lầm,
Một trăm ngàn kiếp trôi qua mất,
Ta biết đời ngài quá rõ ràng.

Nghe vậy, Baka ngâm vãn kệ thứ ba:

70. Thế Tôn, trí đệ tử vô cùng,
Sanh, lão, sầu nằm ở dưới chân,
Xưa đã tạo nên bao thiện nghiệp,
Thế Tôn cho đệ tử hay chăng?

Sau đó, đức Thế Tôn ngâm bốn vần kệ kể cho vị ấy nghe những chuyện quá khứ:

71. Xưa lấy nước ban phát những người,
Lúc đang cơn khát sắp tàn hơi,
Dưới trời hạn hán như thiêu đốt,
Thiện nghiệp ngài qua đã mấy đời,
Ta biết là ta đều nhớ rõ,
Như vừa tỉnh giấc mộng mà thôi.
72. Sông Eri, thưở nọ bên bờ,
Ngài thả nhiều người được tự do,
Trong lúc bị giam cầm chặt chẽ,
Việc lành ngài tạo dấu xa xưa,
Song ta biết rõ ta còn nhớ,
Như thể mới vừa tỉnh giấc mơ.
73. Ngày xưa trên bến nước sông Hằng,
Ngài cứu thuyền người nọ thoát thân,
Khi bị ác xà kia chụp lấy,
Vì thềm thịt sống, khỏi tai ương,
Việc lành ngài tạo dấu xa lắc,
Ta nhớ rõ như tỉnh giấc nồng.
74. Ta chính Kappa, đệ tử ngài,
Trí đức ngài, ta biết rõ mười,
Thiện nghiệp ngài làm, ta nhớ kỹ,
Như là mới tỉnh giấc mơ thôi.

Khi nghe các nghiệp quá khứ của mình do bậc Đạo sư thuyết giảng, Baka cảm tạ và ngâm vần kệ cuối cùng:

75. Thế Tôn biết mọi kiếp xưa xa,
Tuệ giác toàn tri quả Phật-đà,
Uy lực hào quang vinh hiển thực,
Sáng ngời khắp cõi Phạm thiên ta.

Như vậy, bậc Đạo sư vừa tỏ bày uy lực của một đức Phật vừa thuyết pháp khai thị các sự thật. Lúc kết thúc pháp thoại, tâm của mười ngàn vị Phạm thiên được giải thoát khỏi các ô nhiễm cấu uế. Do đó, đức Thế Tôn trở thành nơi an trú của các vị Phạm thiên, rồi trở về Kỳ Viên từ cõi Phạm thiên, Ngài thuyết pháp như trên và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Phạm thiên Baka là nhà khổ hạnh Kesava và đệ tử Kappa chính là Ta.

II. PHẨM GANDHĀRA (GANDHĀRAVAGGA)

§406. CHUYỆN QUỐC VƯƠNG GANDHĀRA (*Gandhārajātaka*)¹¹ (J. III. 363)

Phổ xá, vũ công mười sáu ngàn...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên hệ giới điều về việc “tích trữ dục liệu”. Tuy nhiên, hoàn cảnh đưa đến chuyện này lại xảy ra ở Vương Xá.

Khi Tỷ-kheo Pilindiyavaccha đến cung vua để giải thoát gia đình người giữ ngục viên, ông dùng thần thông lực biến cung vua thành tòa nhà bằng vàng, quần chúng hoan hỷ đến tặng ông năm thứ dục liệu. Ông đem phân phát khắp Tăng chúng. Do đó, Tăng chúng có nhiều dục liệu và khi nhận được các dục liệu, họ chứa đầy các chai, hũ, bình, túi... và cất để dành. Dân chúng thấy vậy thì thảm bảo nhau: “Các Tỷ-kheo tham lam kia đang tích trữ đồ đặc trong tinh xá.”

Bậc Đạo sư nghe vậy liền công bố giới điều:

– Bất cứ dục liệu trị bệnh nào khi nhận được, phải được dùng trong vòng bảy ngày.

Và bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, các bậc trí nhân thuở xưa, trước khi đức Phật ra đời, đều xuất gia theo ngoại đạo và chỉ giữ ngũ giới cũng đã khiển trách những ai tích trữ muối và đường cho ngày hôm sau; còn các ông ngày nay đều đã được xuất gia theo giáo pháp giải thoát, lại tích trữ đồ đặc đến hai ba ngày ư?

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, Bồ-tát là vương tử của vua xứ Gandhāra. Khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua trị nước chân chánh. Đồng thời, ở vùng trung thổ tại vương quốc Videha, có vị vua mệnh danh là Videha cai trị. Hai quốc vương này chưa hề gặp nhau, nhưng lại là thân hữu và tin cậy lẫn nhau.

Thời ấy, loài người trường thọ, đời sống dài ba mươi ngàn năm. Một hôm, vào ngày trai giới trăng tròn, vua xứ Gandhāra đã phát nguyện giữ giới và ngự trên bảo tòa giữa ngai vàng dành cho ngài, nhìn ra một cửa sổ rộng mở ở góc

¹¹ Xem Mv. VI. 208.

hướng Đông, ngài ngồi thuyết giảng cho quần thần về bản chất giáo lý. Lúc ấy, thần Rāhu¹² đã che hết mặt trăng tròn đầy đang tỏa sáng cả bầu trời. Ánh trăng biến mất, triều thần không thấy ánh trăng, liền tâu vua rằng thần Rāhu đã chụp lấy mặt trăng.

Vua quan sát mặt trăng, nghĩ thầm: “Mặt trăng đã mất ánh sáng vì bị một biến động bên ngoài làm hỏng. Nay triều thần chính là mối phiền lụy của ta. Ta không nên để mất ánh sáng như mặt trăng bị thần Rāhu chụp lấy. Ta muốn rời quốc độ như mặt trăng chiếu trên bầu trời trong sáng và trở thành ẩn sĩ. Tại sao ta lại giáo giới người khác? Ta muốn ra đi, từ giã thân quyến, thần dân và giáo giới bản thân ta mà thôi, điều ấy mới thích hợp với ta.” Vì vậy, ngài phán:

– Các khanh cứ làm gì tùy ý.

Rồi ngài trao quốc độ cho triều thần. Ngài đã từ bỏ vương quốc và sống đời tu hành. Khi chứng đắc các thắng trí, ngài an cư mùa mưa ở vùng Tuyết sơn, chuyên tâm vào sự an lạc của thiên định.

Bấy giờ, khi hỏi thăm các thương nhân, vua xứ Videha bảo:

– Hiền hữu của ta có được Khang an chăng?

Và được tin ngài đã ra đi sống đời tu hành, vua suy nghĩ: “Hiền hữu ta đã xuất gia tu tập, ta còn phải làm gì với quốc độ này?” Vì thế, ngài thoái vị ở kinh thành Mithilā dài bảy do-tuần và vương quốc Videha rộng ba trăm do-tuần gồm mười sáu ngàn làng với các cửa hiệu đầy hàng hóa, mười sáu ngàn nữ vũ công, rồi cũng không nghĩ đến các hoàng tử và công chúa, vua lên vùng Tuyết sơn sống đời tu hành. Tại đó, ngài chỉ sống bằng quả rừng trong đời độc cư thanh tịnh. Cả hai vị vua an tịnh độc cư như vậy, sau đó gặp nhau; tuy thế, hai vị vẫn sống cùng nhau trong cảnh đời an tịnh với tình thân hữu.

Ẩn sĩ xứ Videha phục vụ ẩn sĩ xứ Gandhāra. Vào một đêm đầy trăng, trong lúc hai vị ngồi dưới gốc cây đàm luận đạo lý, thần Rāhu che khuất mặt trăng đang sáng tỏa khắp bầu trời. Ẩn sĩ xứ Videha nhìn lên, hỏi:

– Tại sao ánh trăng bị mất?

Và khi thấy trăng bị thần Rāhu chụp, vị ấy hỏi:

– Bạch Tôn sư, tại sao nó che khuất mặt trăng làm cho tối tăm vậy?

– Này đồ đệ, đó là do duyên quấy nhiễu mặt trăng tên gọi là Rāhu, nó ngăn cản mặt trăng chiếu sáng. Chính ta khi thấy mặt trăng bị thần Rāhu che khuất đã suy nghĩ: “Mặt trăng sáng trở nên tối vì bị quấy nhiễu từ bên ngoài. Nay quốc độ là mối phiền nhiễu đối với ta, ta muốn theo đời tu hành để quốc độ không làm ta đen tối như thần Rāhu làm tối mặt trăng kia. Như vậy, lấy chuyện mặt trăng bị thần Rāhu che khuất làm chủ đề của ta, ta từ giã vương quốc và sống đời tu hành.”

– Bạch Tôn sư, thế ngài là cựu vương nước Gandhāra ư?

¹² Rāhu (La-hầu): Vua của các thần a-tu-la.

– Chính phải.

– Bạch Tôn sư, chính đệ tử là cựu vương Videha, trong quốc độ Videha và kinh thành Mithilā, dù chúng ta chưa từng thấy nhau, chúng ta chẳng phải đã làm bạn với nhau đó sao?

– Thế chủ đề của Hiền hữu là gì?

– Đệ tử nghe Tôn sư đã xuất gia tu tập nên suy nghĩ: “Chắc hẳn ngài đã tìm thấy lợi ích của nếp sống ấy, đệ tử xem ngài là chủ đề của mình, nên từ giã quốc độ và xuất gia.”

Từ đây trở đi, hai vị trở nên hết sức thân thiết, quý mến nhau và chỉ sống bằng quả rừng. Sau một thời gian an trú tại đó, hai vị từ Tuyết sơn đi xuống tìm muối và giấm, dần dần đến một làng ở biên địa.

Dân chúng hoan hỷ vì phong cách hai vị nên đã cúng dường; và khi nhận được lời hứa, họ dựng thảo am để hai vị trú ban đêm và ở cả trong rừng nữa, rồi mời hai vị ở lại đó; bên vệ đường, họ còn dựng một phòng ăn ở một nơi đẹp có nước chảy.

Sau khi đi khát thực từ làng biên địa, hai vị ngồi dùng món ăn trong thảo am kia rồi trở về chỗ cư trú của mình. Dân chúng cúng dường thực phẩm, có hôm để muối lên một ngọn lá rồi đem đến cho hai vị, hôm khác lại đem thức ăn không có muối.

Một hôm, họ cúng dường hai vị rất nhiều muối trong một cái rổ bằng lá. Ân sĩ xứ Videha lấy muối đem vừa đủ phần Bô-tát lúc dùng thức ăn, và cũng lấy phần vừa đủ cho mình, sau đó cất phần còn lại trong rổ lá đặt vào một cuộn cỏ, tự nhủ: “Cái này sẽ có ích cho ngày không có muối.”

Rồi một hôm, nhận được thức ăn không có muối, ân sĩ xứ Videha đem món khát thực đến ân sĩ Gandhāra, lấy muối trong cuộn cỏ ấy ra và bảo:

– Bạch Tôn sư, hãy lấy muối.

– Dân chúng hôm nay không cho ta muối, vậy đồ đệ lấy đâu ra muối?

– Bạch Tôn sư, hôm kia dân chúng cho nhiều muối nên đệ tử cất phần dư và bảo: “Cái này sẽ có ích cho ngày không muối.”

Bô-tát liền quở trách vị này, bảo:

– Nay kẻ ngu si kia, ông đã từ bỏ vương quốc Videha rộng ba trăm do-tuần, đã xuất gia tu hành và chứng đạt tâm ly dục, nay ông lại khởi lòng ham thích muối và đường!

Khuyến giáo như vậy xong, ngài ngâm vần kệ đầu:

76. Phổ xá, thôn trang mười sáu ngàn,
 Ông từ bỏ hết mọi giàu sang,
 Kho tàng của cải nhiều vô tận,
 Nay tích trữ gì đây phải chăng?

Ăn sĩ Videha bị khiển trách như vậy, không kham nhẫn lời khiển trách mà trở nên lạnh lùng bảo:

– Bạch Tôn sư, ngài không thấy lỗi của ngài, mặc dù ngài thấy lỗi của tôi. Ngài đã chẳng rời bỏ vương quốc và xuất gia, tự bảo: “Tại sao ta phải khuyên giáo kẻ khác? Ta muốn khuyên giáo bản thân ta mà thôi” ư? Thế sao nay ngài lại đang khuyên giáo tôi đây?

Rồi vị ấy ngâm vãn kệ thứ hai:

77. Ngài bỏ Gandhā, mọi phố phường,
Biết bao châu báu ở kho tàng,
Không còn ban lệnh cho ai nữa,
Nay lại truyền tôi lệnh ấy chẳng?

Nghe vậy, Bô-tát ngâm vãn kệ thứ ba:

78. Chính vì chân chánh, ta khuyên răn,
Vì ghét những gì chẳng chánh chân,
Khi nói cho ông điều chánh hạnh,
Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.

Ăn sĩ xứ Videha nghe Bô-tát nói, đáp lại:

– Bạch Tôn sư, thuyết giảng cho người khác sau khi đã làm kẻ ấy đau buồn giận dữ là điều không thích hợp, dầu có thuyết giảng đúng vấn đề đi nữa. Tôn sư đang nặng lời gay gắt với tôi như thể cạo đầu tôi với con dao cùn!

Rồi vị ấy ngâm vãn kệ thứ tư:

79. Bất cứ lời nào nếu nói ra,
Sẽ gây thương tổn đến người ta,
Trí nhân không nói ra lời ấy,
Cho dầu tạo nên quá lớn mà!

Bô-tát liền đáp vãn kệ thứ năm:

80. Người nghe ta rắc trấu hay không,
Hay dầu người kia bị tổn thương,
Khi nói ra điều gì chánh hạnh,
Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.

Nói vậy xong, do ngài đã giữ vững sự thực hành phù hợp với lời dạy này của bậc Thiện Thệ: “Này Ānanda, Ta không sách tấn các ông như cách người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Này Ānanda, Ta sẽ nói hết lời khiển trách này đến lời khiển trách khác, vì rằng ‘Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ đứng vững’”;¹³ nên ngài chỉ rõ rằng: “Nhu cách người thợ gốm gõ đi gõ lại trên các món đồ gốm, rồi chọn lấy món đồ gốm đã nung kỹ chứ không chọn cái chưa nung; cũng vậy, sau khi khuyên giáo và khiển trách nhiều lần thì nên chọn người như chọn món đồ gốm được nung kỹ kia.” Ngài nhắc nhở:

¹³ Xem M. III. 110, *Mahāsuññatasutta* (Kinh Đại không), số 122.

81. Nếu trí đức không được luyện rèn,
Trong đời sống để mãi tăng thêm,
Nhiều người phiêu bạt chân buông thả,
Như thể trâu mù cứ bước lên.
82. Song các trí nhân khéo luyện rèn,
Để cho thiện hạnh mãi tăng thêm,
Chính nhờ đạo hạnh này thuần thực,
Nên các tha nhân bước tiếp liền.

Nghe lời này, ản sĩ xứ Videha nói:

– Bạch Tôn sư, từ nay về sau xin cứ giáo huấn đệ tử. Đệ tử trót lỡ nói lời bất nhã với ngài, xin tha thứ cho đệ tử!

Rồi cúi đầu đánh lễ cung kính, vị ấy được Bồ-tát thứ lỗi.

Như vậy, hai vị đã sống hòa hợp với nhau và trở về Tuyết sơn. Sau đó, Bồ-tát dạy ản sĩ xứ Videha cách chứng đắc thiền định. Vị ấy tuân thủ và thành tựu các thắng trí cùng các thiền chứng. Hai vị không bao giờ gián đoạn thiền định nên về sau tái sanh lên cõi Phạm thiên.

Khi pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, ản sĩ xứ Videha là Ānanda và quốc vương xứ Gandhāra chính là Ta.

§407. CHUYỆN ĐẠI HẦU VƯƠNG (*Mahākapijātaka*)¹⁴ (J. III. 369)

Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khi...

Bạc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về các thiện nghiệp đối với thân quyền. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla*.¹⁵

Tăng chúng bắt đầu bàn luận trong pháp đường, bảo nhau:

– Đức Phật Toàn Giác đã làm nhiều thiện sự đối với thân quyền.

Khi bậc Đạo sư hỏi Tăng chúng và được trình bày đề tài trên, Ngài đáp:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm thiện nghiệp đối với thân quyền.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai vào

¹⁴ Xem J. I. 188, *Abhinahajātaka* (Chuyện đôi bạn thân thiết), số §27.

¹⁵ Xem J. IV. 144, *Bhaddasālajātaka* (Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla), số §465.

loài khi. Khi lớn lên, ngài có vóc dáng oai nghi lực lưỡng và cường tráng, cùng sống với một đàn tám mươi ngàn con khi ở Tuyết sơn.

Gần bờ sông Hằng có một cây xoài (nhiều người khác bảo là cây đa) với nhánh chồi tỏa bóng mát và lá rậm rạp như một đỉnh núi. Trái xoài ngọt, có mùi hương và vị tuyệt diệu, to bằng các bình nước. Trái từ một cành rơi xuống đất, từ một nhánh khác rơi xuống sông Hằng, từ hai nhánh khác rơi vào gốc cây.

Trong lúc ăn xoài cùng với loài khi, Bồ-tát nghĩ thầm: “Một ngày kia, tai họa sẽ xảy đến cho ta do trái xoài rơi xuống nước.” Vì thế, không để lại trái xoài nào trên cành cây mọc trên bờ sông, ngài bảo bọn chúng ăn hết hoặc ném bỏ hoa đúng mùa ngay từ khi nụ hoa mới nhú bằng hạt đậu.

Tuy thế, một trái xoài chín nằm kín trong một tổ kiến, nên cả tám mươi ngàn con khi không trông thấy, rớt xuống dòng sông và mắc vào cái lưới ở phía trên, vua xứ Ba-la-nại lúc ấy đang tắm sông vui đùa với một tấm lưới ở trên và một tấm ở dưới.

Khi vua đã vui đùa suốt ngày và sắp ra về lúc chiều tối, bọn người đánh cá đang kéo lưới lên, trông thấy trái cây, nhưng không biết loại gì, liền đem dâng vua, vua hỏi:

- Trái gì thế?
- Tâu Đại vương, chúng thần không biết.
- Thế ai biết?
- Tâu Đại vương, những người giữ rừng.

Vua truyền gọi những người giữ rừng và khi nghe họ bảo đó là trái xoài, vua lấy dao cắt nó ra, rồi trước hết bảo những người giữ rừng ăn xoài, sau đó chính nhà vua cũng ăn xoài. Hương vị xoài chín thấm nhuần khắp toàn thân vua. Do lòng ham muốn hương vị câu thúc, vua hỏi những người giữ rừng, cây ấy ở đâu. Khi nghe rằng cây ấy ở trên bờ sông về hướng Tuyết sơn, vua truyền ráp các chiếc bè lại và chèo ngược lên thượng nguồn của sông theo lộ trình được những người giữ rừng hướng dẫn. Số ngày đi đường chính xác là bao nhiêu không được nêu ra. Theo thời gian, họ đến nơi ấy, và những người giữ rừng trình vua:

- Tâu Đại vương, đó là cây xoài.

Vua dừng bè lại và cùng đám quần thần đông đảo đi bộ đến nơi, rồi truyền trái sàng tọa ngay dưới gốc cây, vua nằm ngủ sau khi đã ăn xoài và hưởng đủ mọi thứ hương vị tuyệt hảo. Khắp mọi phía quân lính canh gác cẩn thận và nhóm lửa lên. Khi mọi người đã ngủ yên, Bồ-tát cùng bảy khi đến đó lúc nửa đêm.

Tám mươi ngàn con khi chuyển từ cành nọ sang cành kia ăn xoài. Vua tỉnh giấc thấy bảy khi, liền đánh thức quần hầu và gọi đám xạ thủ đến bảo:

– Hãy bao vây loài khi đang ăn xoài để chúng không thoát được, rồi bắn cả đi! Ngày mai ta muốn ăn xoài với thịt khi.

Đám xạ thủ tuân lệnh, đồng đáp:

– Muôn tâu, được lắm.

Rồi họ bao vây cả cây với cung tên sẵn sàng. Bầy khi thấy họ, sợ chết vì chúng không thể trốn được, liền nhảy đến bên Bồ-tát và thưa:

– Tâu Đại vương, các xạ thủ đang vây quanh cây và bảo: “Ta sẽ bắn chết loài khỉ lang thang trộm cắp này.” Chúng con phải làm gì bây giờ?

Chúng vừa đứng vừa run rẩy.

Bồ-tát bảo:

– Đừng sợ, ta sẽ cứu mạng các con!

Vừa an ủi bầy khi như vậy xong, ngài leo lên một cành mọc thẳng đứng, rồi đi qua một cành khác dài về phía sông Hằng, xong lại nhảy vọt về cuối cành ấy, vượt qua một trăm tám cung và hạ xuống một bụi cây trên bờ. Khi xuống đến nơi, ngài đánh dấu khoảng cách và nói: “Đó là khoảng cách ta đã vượt qua.” Rồi cắt một đọt tre sát gốc, lột vỏ và nói:

– Phần này sẽ được buộc vào cây ấy và phần kia sẽ ở trên không.

Khi tính hai chiều dài như vậy, ngài quên phần buộc vào thắt lưng mình. Ngài cầm đọt tre buộc một đầu vào thân cây trên bờ sông Hằng và phần kia vào thắt lưng, sau đó nhảy vọt qua khoảng cách một trăm tám cung ấy với tốc độ của mây bay theo gió cuốn.

Do không tính phần tre buộc vào thân mình, ngài không tới tận cây ấy. Vì vậy, ngài lấy hai tay nắm chặt cành cây và ra hiệu cho cả đàn khỉ:

– Cầu chúc các con may mắn, qua nhanh lên, bước trên lưng ta mà đi dọc theo cây tre.

Cả tám mươi ngàn con khỉ trốn thoát được theo cách ấy, sau khi cung kính đánh lễ Bồ-tát, xin phép ngài ra đi.

Thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một con khỉ trong đàn kia tự nhủ: “Đây là cơ hội để ta thanh toán kẻ thù.” Vì thế, vừa trèo lên cây, nó nhảy vọt và ngã trên lưng Bồ-tát. Tim Bồ-tát như muốn vỡ nát, vô cùng đau đớn. Sau khi gây ra nỗi đau khổ thống thiết cho ngài như vậy, nó liền bỏ đi, chỉ còn Bồ-tát một mình.

Lúc ấy, vua tỉnh giấc thấy rõ mọi việc bầy khi đã làm cùng Bồ-tát, vua lại nằm xuống suy nghĩ: “Con vật này không kể đến tính mạng mình, đã cứu thoát cho cả đàn bình an.”

Khi trời sáng, vua hoan hỷ về Bồ-tát, lại suy nghĩ: “Giết hại chúa khỉ này thật không phải đạo, ta muốn đem nó xuống và săn sóc nó.” Vì vậy, vua quay về xuống sông Hằng và dựng một cầu cao ở đó để Bồ-tát nhảy xuống nhẹ nhàng, truyền đem tấm y vàng phủ trên lưng ngài và tắm rửa ngài trên sông, cho ngài uống nước đường, lau thân thể ngài thật sạch và tắm dầu thơm đã lọc kỹ cả ngàn lần, sau đó trải một tấm da đã được thoa dầu lên sàng tọa và đặt ngài nằm ở đó; còn vua ngồi ở một chỗ thấp hơn. Và vua ngâm vãn kệ đầu:

83. Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khi,
Cho cả đàn tròn thoát được bình an,
Này khi kia, ngài với chúng họ hàng,
Hay bọn chúng là gì với ngài vậy?

Nghe lời này, Bô-tát ngâm các vần kệ khuyên giáo vua:

84. Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,
Là hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,
Khi bọn kia đẩy đẩy nổi kinh hoàng,
Vì các vị, lòng lo buồn đau đớn.
85. Tôi nhảy qua một trăm tầm cung lớn,
Được trải dài trên vị trí nằm ngang,
Rồi khi tôi đã buộc khúc tre non,
Thật vững chắc ở quanh sườn tôi đó.
86. Muốn đến cây như vàng mây bão tố,
Được cuồng phong thổi bạt cực kỳ nhanh,
Song mất đà, tôi chỉ đến đầu cành,
Cầm lấy nó, bàn tay tôi thật vững.
87. Khi tôi nằm trên cây treo lơ lửng,
Buộc chặt vào cành với khúc tre non,
Bây khi kia đã bước cả lưng còm,
Giờ đây chúng được an toàn thoát nạn.
88. Tôi không sợ nổi đau vì thiệt mạng,
Dẫu giam cầm tôi cũng chẳng đau buồn,
Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,
Xưa bọn chúng, tôi đã từng cai trị.
89. Một ví dụ dành cho ngài, Đại đế,
Nếu ngài mong học đạo lý chánh chân,
Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,
Cùng quân đội và kinh thành, chiến mã,
Đối với ngài đều thiết thân tất cả,
Nếu ngài mong trị nước thật an bình.

Bô-tát giáo huấn vua như thế xong liền từ trần. Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho hầu vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc vương. Rồi vua truyền bảo đám phi tần:

– Các nàng hãy đưa hầu vương ra tận nghĩa địa với tư cách là đoàn tùy tùng của hầu vương, mặc y đỏ, xõa tóc xuống và cầm đuốc trong tay!

Các đại thần làm giàn hỏa táng với một trăm xe củi. Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bô-tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bô-tát, làm lễ đốt đuốc

và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại công thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba-la-nại. Sau đó, truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, nhà vua làm lễ suy tôn Xá-lợi suốt bảy ngày.

Khi đã nhận phần Xá-lợi và dựng đền thờ trong thành, vua đến đó cúng dường hương hoa suốt đời. Được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua chuyên tâm bố thí cùng làm nhiều thiện sự khác và cai trị chơn chánh, nên về sau tái sanh thiên giới.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda, đàn khỉ là hội chúng này và hầu vương chính là Ta.

§408. CHUYỆN NGƯỜI THỢ GÓM (*Kumbhakārajātaka*) (J. III. 375)

Cây xoài ta thấy ở rừng xanh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khiển trách lỗi lầm. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện ngụm nước uống*.¹⁶

Thời ấy, tại Xá-vệ có năm trăm người bạn cùng xuất gia tu tập, an trú tại tinh xá trên con đường lát vàng (Kỳ Viên), lại khởi lên dục tưởng lúc nửa đêm. Bậc Đạo sư quan sát các đệ tử ba lần vào ban đêm và ba lần vào ban ngày, tức sáu lần suốt ngày đêm, như chim giẻ cùi ấp trứng, như bò yak gìn giữ cái đuôi, như bà mẹ chăm sóc đứa con yêu quý, như người chột canh chừng con mắt còn lại. Vì vậy, Ngài khiển trách ngay khi lỗi lầm vừa sanh khởi. Nửa đêm hôm ấy, Ngài quan sát Kỳ Viên và biết tâm tư của chúng Tăng, Ngài suy nghĩ: “Nếu lỗi lầm này tăng trưởng giữa Tăng chúng, nó sẽ hủy hoại Phạm hạnh đưa đến Thánh quả. Ta muốn khiển trách lỗi lầm này ngay bây giờ và nêu rõ đời sống Phạm hạnh.”

Thế rồi, Ngài rời hương phòng và gọi Tôn giả Ānanda, truyền Tôn giả triệu tập chư Tăng tại đó đến họp lại và Ngài ngồi xuống sàng tọa đã soạn sẵn cho đức Phật. Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, sống dưới sức chi phối của các dục tưởng là không chơn chánh; nếu tham dục tăng trưởng sẽ gây họa lớn như một địch thủ. Mỗi Tỷ-kheo phải khiển trách mỗi một lỗi lầm dù là nhỏ nhặt. Các trí nhân ngày xưa thấy rõ ngay cả mọi duyên có thật nhỏ nên đã khiển trách mọi dục tưởng khi vừa mới khởi sinh, do vậy đã đắc quả Độc Giác Phật.

Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

¹⁶ Xem J. IV. 114, *Pāṇīyajātaka* (*Chuyện ngụm nước uống*), số §459.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình thợ gốm ở ngoại ô Ba-la-nại. Khi lớn lên, ngài trở thành gia chủ có một con trai, một con gái và nuôi dưỡng vợ con với nghề gốm của ngài.

Thời ấy, tại vương quốc Kāliṅga, trong kinh thành Dantapura, quốc vương mệnh danh là Karaṇḍu đang dạo chơi với quần thần đông đảo trong ngự viên, chợt thấy ở cổng vườn một cây xoài nặng trĩu quả ngọt.

Từ trên lưng voi, vua đưa tay ra hái một chùm xoài, sau đó vào ngự viên ngồi trên bảo tọa ăn xoài và ban vài trái cho những kẻ được ân sủng. Từ khi vua hái xoài, đám triều thần, Bà-la-môn, gia chủ nghĩ rằng người khác cũng nên làm như thế, họ hái xoài xuống và ăn trái cây ấy. Sau đó, họ đến nhiều lần, trèo cây lấy gây đập vào làm cành lá gãy tả tơi, họ ăn xoài và không chừa lại những trái chưa chín.

Vua vui chơi trong ngự viên suốt ngày mãi tận chiều, đi ngang qua trên vương tượng, ngài bước xuống khi thấy cây xoài và đến gốc cây nhìn lên, suy nghĩ: “Sáng này cây tươi đẹp với cành nặng trĩu quả, nhưng đám người ngắm cảnh không thỏa mãn, nay nó đứng kia không còn tươi đẹp nữa vì trái cây đã bị phá nát và rớt xuống hết rồi.”

Vua lại nhìn sang một cây kia không có trái và suy nghĩ: “Cây xoài này tươi tốt vì không sinh trái, khác nào núi trọc chứa đầy châu báu. Cây kia vì sinh trái nên đã gặp tai họa. Đời sống tại gia cũng giống như cây có trái, đời xuất gia giống như cây không trái; người giàu có hay sợ hãi, người nghèo khó chẳng sợ gì. Ta cũng chỉ muốn như cây không trái kia.”

Như vậy, lấy cây sinh trái làm chủ đề, ngài đứng dưới gốc cây, quan sát ba đặc tính: Vô thường, khổ, vô ngã và đạt Tuệ giác; ngài đắc quả Độc Giác Phật, liền suy nghĩ: “Từ nay thai tạng đã xa rời ta, tái sinh trong ba cõi đã đoạn tận, các cấu uế của vòng luân hồi sinh tử đã được thanh tịnh, biển nước mắt đã khô cạn, thành xương khô đã sụp đổ, ta không còn tái sinh nữa.” Ngài đứng uy nghi như thể được trang điểm mọi thứ ngọc vàng.

Sau đó, các đại thần bảo:

- Tâu Đại vương, Ngài đứng đã quá lâu.
- Ta không phải là Đại vương, Ta là Độc Giác Phật.
- Tâu Đại vương, các Độc Giác Phật không giống Ngài.
- Thế thì các vị ấy ra sao?

– Râu tóc các Ngài được cạo sạch, các Ngài khoác y vàng, không còn lưu luyến gia đình bộ tộc, các Ngài như mây trôi theo gió cuốn hay mặt trăng thoát khỏi thần Rāhu, và các Ngài an trú trên Tuyết sơn, ở động Nandamūla. Tâu Đại vương, các vị Độc Giác Phật là như vậy.

Ngay lúc ấy, vua đưa tay lên sờ đầu, lập tức các dấu hiệu của một gia chủ biến mất và các dấu hiệu của một Sa-môn xuất hiện:

Bộ ba y, bình bát với kim may,
Lưỡi dao cạo, đồ lọc nước, dây đai,
Là tám món một Sa-môn cần có.

Tám món cần thiết của một Sa-môn như vẫn thường được gọi, đã dính chặt vào thân Ngài. Đang trên không, Ngài thuyết pháp cho quần thần rồi bay qua bầu trời đến sơn động Nandamūla trên miền thượng Tuyết sơn.

Trong quốc độ Gandhāra ở kinh thành Takkaṣilā, vị vua mệnh danh là Naggaji ngự trên thượng lầu, giữa vương sàng, thấy một nữ nhân đeo vòng ngọc trên một tay, đang xay hương liệu gần đó, vua suy nghĩ: “Các vòng ngọc này không cọ xát hoặc kêu leng keng khi rời nhau”, và cứ ngắm nghía nằng ấy mãi. Sau đó, nằng ấy đặt chiếc vòng từ tay phải sang tay trái và dùng tay phải thu góp hương liệu rồi bắt đầu xay tiếp. Chiếc vòng trên tay trái chạm vào chiếc vòng kia gây tiếng động.

Vua quan sát hai chiếc vòng cọ xát vào nhau gây âm thanh, liền suy nghĩ: “Vòng ấy khi để riêng không chạm vào vật gì cả, nay đụng vào vòng thứ hai gây tiếng động, khi hai ba chiếc vòng chạm nhau tạo thành tiếng ồn lớn. Nay ta trị thần dân ở hai quốc độ Kasmīra và Gandhāra, ta cũng cần phải ở riêng như chiếc vòng độc nhất để tự trị chứ không trị kẻ khác nữa.” Như vậy, lấy việc cọ xát hai chiếc vòng làm chủ đề, trong lúc ngồi đó, vua nhận thức ba đặc tính trên và đạt Tuệ giác, đắc quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Trong quốc độ Videha, tại thành Mithilā, quốc vương mệnh danh là Nimi, sau buổi điếm tâm được các triều thần châu quanh mình, đứng nhìn xuống đường phố qua cửa sổ mở rộng trong hoàng cung. Một con điều hâu sau khi chụp được miếng thịt từ chợ, đang bay vút trên không. Một vài con kên kên và các thứ chim khác vây lấy điều hâu mọi phía, liên tiếp lấy mỏ mổ vào, lấy cánh đập và lấy chân đạp con kia để giành miếng thịt. Không chịu để cho chúng giết, điều hâu đành thả miếng thịt, một chim khác chụp ngay lấy và bòn chúng lại mổ con kia như trước. Vua thấy bầy chim, suy nghĩ: “Ai lấy miếng thịt, khổ đau đến với kẻ ấy; ai bỏ miếng thịt, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Ai hưởng năm dục lạc, khổ đau đến với kẻ ấy; ai từ bỏ năm dục lạc, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Nay ta có mười sáu ngàn cung nữ, ta cần phải sống trong hạnh phúc sau khi từ bỏ năm dục lạc như điều hâu bỏ miếng thịt.”

Quan sát việc này với trí tuệ, ngay khi đứng tại đó, vua nhận thức ba đặc tính trên, chứng đắc Tuệ giác và thành đạt viên trí của quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Trong vương quốc Uttarapañcāla, tại kinh thành Kampilla, vị vua mệnh danh Dummukha, sau buổi điếm tâm, được trang điếm các món châu báu và quần thần vây quanh, đứng nhìn xuống sân châu qua cửa sổ. Vào lúc ấy, có người mở cửa chuồng bò. Các con bò đực từ trong chuồng đang chạy theo một

con bò cái; một con bò đực lớn với cái sừng nhọn chột thấy một con bò đực khác chạy đến, liền ghen tức lấy sừng nhọn đâm vào hông con kia. Do bị húc quá mạnh, nó đổ ruột ra ngoài chết ngay tại chỗ. Vua thấy cảnh này, suy nghĩ: “Mọi loài từ súc vật trở lên đều chịu khổ đau vì lòng dục, con bò này vì lòng dục phải chịu chết. Mọi loài khác đều bị tham dục gây phiền lụy. Ta cần bỏ hết mọi tham dục làm phiền lụy mọi loài.”

Như vậy, trong lúc đang đứng, vua nhận thức ba đặc tính trên, chứng đắc Tuệ giác và thành đạt viên trí của quả Độc Giác Phật. Phần cuối câu chuyện cũng như trên.

Sau đó, một hôm, bốn vị Độc Giác Phật, xét thấy đến thời đi khát thực, liền rời động Nandamūla, sau khi chải sạch răng bằng cách nhai cau tại hồ Anotatta; và sau khi đã hoàn tất mọi nhu cầu vệ sinh xong, các vị mang y bát, dùng thần thông bay lên không, lướt qua các đám mây ngũ sắc, rồi hạ xuống không xa một vùng ngoại ô của Ba-la-nại.

Tại một địa điểm tiện lợi, các vị khoác y, cầm bình bát đi vào vùng ngoại ô khát thực cho đến khi dừng lại trước cửa nhà Bồ-tát. Bồ-tát thấy các vị, lòng hoan hỷ mời vào nhà ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, ngài rót nước cung nghênh và đãi các món thượng vị đủ loại cứng và mềm. Sau đó, ngài mời một bên, ngài kính chào vị Trưởng thượng và nói:

– Thưa Tôn giả, đời tu hành của Ngài quả thật tốt đẹp, các căn của Ngài thật an tịnh, làn da của Ngài thật trong sáng. Chủ đề suy tư gì đã khiến Ngài khởi đầu đời sống tu hành và xuất gia?

Cả bốn vị liền đáp:

– Tôi trước kia có tên như vậy, làm vua ở tại kinh thành nọ, trong quốc độ kia...

Đại khái như thế và theo cách này mỗi vị lần lượt ngâm vắn kệ nêu nguyên nhân giã từ thế tục của mình:

90. Cây xoài ta thấy ở rừng xanh,
Đen rậm, cao to, trái trĩu cành,
Vì trái, con người đã phá gãy,
Lòng ta chính thế muốn cầm bình.
91. Vòng sáng nhờ tay thợ nổi danh,
Người đeo một chiếc chằng âm thanh,
Chiếc kia va chạm gây huyền ảo,
Vì thế lòng ta muốn chiếc bình.
92. Đàn chim xâu xé vật cô thân,
Đơn độc mang theo miếng thịt ăn,
Chim bị đánh đau vì miếng thịt,
Lòng ta chính thế muốn ly trần.

93. Bò đực kiêu căng giữa đám bò,
Vươn lưng khỏe đẹp, bước chân ra,
Chết vì lòng dục, sùen đâm mạnh,
Do vậy lòng ta muốn xuất gia.

Bồ-tát nghe mỗi vần kệ đều nói:

– Tốt lành thay, thưa Tôn giả, chủ đề của Ngài thật thích hợp!

Và như vậy, ngài tán thán mỗi vị Độc Giác Phật. Sau khi nghe các vị thuyết pháp, ngài trở nên chán ngán đời sống tại gia.

Khi các vị ra đi, sau buổi điếm tâm, ngài ngồi thư thái, gọi vợ lại bảo:

– Nay hiền thê, bốn vị Độc Giác Phật rời bỏ vương quốc trở thành Sa-môn nay sống không lỗi lầm, không chướng ngại, hưởng niềm cực lạc của đời tu hành. Trong lúc ấy, ta phải tìm kế sinh nhai qua ngày. Ta còn phải làm gì với đời gia chủ nữa? Xin nàng nuôi các con và ở lại nhà.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

94. Vua Karaṇḍu xứ Kāliṅga,
Vua Naggaji xứ Gandhāra,
Vua Dummukha xứ Pañcāla,
Đại đế Nimi xứ Videha,
Tất cả các Ngài rời bảo tòa,
Sống không lầm lỗi, giã từ nhà.

95. Các Ngài trông dáng tựa thiên thần,
Chẳng khác nào vàng lửa sáng bừng,
Ta cũng muốn ra đi tiến bước,
Xa lìa mọi vật thế nhân mong.

Nghe lời ngài, bà vợ đáp:

– Nay phu quân, từ khi thiếp nghe giáo pháp của các vị Độc Giác Phật, thiếp cũng không muốn ở trong nhà nữa.

Và bà ngâm kệ:

96. Thời cơ, thiếp biết chính là đây,
Chẳng có Đạo sư hơn các Ngài.
Chàng hỡi, thiếp mong xuất thế nữa,
Như con chim được thoát bàn tay!

Bồ-tát nghe lời bà nói liền yên lặng. Bà vợ nôn nóng xuất gia tu hành trước ngài và đang muốn đánh lừa ngài, liền giả vờ nói:

– Nay phu quân, thiếp sắp ra hồ nước, chàng hãy chăm nom các con!

Rồi bà cầm chiếc bình như thể đi đến đó và bà đi thẳng đến các vị ẩn sĩ ở ngoại thành xin truyền giới xuất gia. Bồ-tát không thấy bà trở về, đành phải tự tay chăm sóc các con.

Về sau, chúng lớn khôn hơn một chút và tự chúng có thể hiểu biết đôi chút, ngài muốn dạy chúng nấu cơm nên ngài thường nấu một ngày cơm hơi cứng và sống, một ngày cơm hơi sống, một ngày cơm chín, một ngày cơm nhão, một ngày không có muối, một ngày quá nhiều muối. Bầy trẻ nói:

– Cha ơi, hôm nay cơm chưa chín, hôm nay cơm nhão, hôm nay không có muối, hôm nay quá nhiều muối.

Bồ-tát đáp:

– Đúng vậy, các con thân yêu.

Rồi ngài suy nghĩ: “Các con nay đã biết cơm nào sống, cơm nào chín, cơm nào có muối, cơm nào không. Thế là chúng có thể sống riêng đời chúng rồi. Ta cần phải xuất gia.” Sau đó, ngài đưa chúng đến gặp đám thân quyến xong, ngài liền xuất gia tu hành, cư trú ở ngoại thành. Một hôm, vị nữ tu khổ hạnh đi khát thực ở Ba-la-nại thấy ngài, liền kính chào và nói:

– Thưa Tôn giả, tôi chắc Tôn giả đã giết bầy trẻ rồi.

Bồ-tát đáp:

– Ta không giết bầy trẻ, khi chúng có thể tự mình biết việc, ta mới xuất gia. Còn bà đã không quan tâm đến chúng và vui lòng với việc xuất gia trước ta.

Rồi ngài ngâm vắn kệ cuối cùng:

97. Thấy con biết mặn, nhạt khi ăn,
Cơm sống, chín, ta đã bước chân,
Nay để yên ta, người một nẻo,
Ta cùng theo giáo pháp chân nhân.

Khuyến giáo vị nữ tu khổ hạnh như vậy xong, ngài từ giã bà. Bà nhận lời khuyến giáo ấy, kính bái Bồ-tát và đi đến một nơi vừa ý.

Sau ngày ấy, hai vị không bao giờ gặp lại nhau. Bồ-tát chứng đắc thắng trí được tái sanh lên Phạm thiên giới.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Khi các sự thật kết thúc, năm trăm Tỷ-kheo đắc Thánh quả A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con gái là Uppalavannā (Liên Hoa Sắc), con trai là Rāhula (La-hầu-la), nữ tu sĩ là mẫu thân Rāhula và nhà tu khổ hạnh ấy chính là Ta.

§409. CHUYỆN VUA DALHADHAMMA

(*Dalhadhammajātaka*) (J. III. 384)

Chính con khôn vác tự ngày xanh...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại rừng Ghosita (Cù-sư-la) gần Kosambī (Kiều-thường-di) về Bhaddavatikā, con voi cái của Vua Udena.

Hoàng tộc của Vua Udena và việc vua ban thưởng cho con voi cái này sẽ được nói rõ trong *Chuyện bậc Hiền trí Mātanga*.¹⁷

Một hôm, con voi này ra ngoại thành vào lúc sáng sớm, gặp đức Phật được Thánh chúng vây quanh, trong vẻ oai nghi tối thượng của một bậc Giác Ngộ, đang vào thành khất thực; nó quỳ xuống chân đức Như Lai, than khóc và cầu khẩn Ngài:

– Bạch Thế Tôn, bậc Toàn Tri Kiến, vị Cứu Khổ Toàn Thế Giới, khi con còn trẻ và có khả năng làm việc, Vua Udena, một vị minh quân đã thương yêu con và bảo: “Đời sống của ta cùng vương quốc và hoàng hậu đều nhờ nó tất cả.” Rồi ngài ban cho con đại vinh hiển bằng cách trang điểm mọi thứ vàng ngọc, ngài truyền trát chuồng voi với đất trộn hương liệu, treo các đồ vật có màu sắc rực rỡ chung quanh, thắp đèn với dầu thơm, đặt đĩa trầm xông tại đó, ngài lại truyền đặt một chậu bằng vàng tại chỗ con đại tiện, cho con đứng trên thảm màu và cho con ăn toàn cao lương thượng vị của vua. Nay con đã già và không làm việc được nữa, nên ngài tức bỏ mọi đặc ân ấy, con sống bơ vơ khốn khổ không ai bảo vệ chăm sóc, chỉ ăn toàn quả ketaka trong rừng, con chẳng có nơi nương tựa nào nữa. Xin Thế Tôn nói cho Vua Udena nghĩ lại các công đức của con và phục hồi mọi vinh quang cũ cho con!

Bậc Đạo sư bảo:

– Con hãy đi về, rồi Ta sẽ nói với vua phục hồi mọi vinh quang cũ cho con!

Sau đó, Ngài đi đến cửa hoàng cung. Vua mời đức Phật vào, thiết đãi trọng thể tất cả hội chúng theo hầu đức Phật. Khi buổi thọ thực đã xong, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức và hỏi:

– Thưa Đại vương, con voi Bhaddavatikā đâu rồi?

– Bạch Thế Tôn, trẫm không biết.

– Thưa Đại vương, sau khi ban vinh hiển cho đám nô tỳ, ngài tức bỏ mọi ân huệ lúc chúng già là không phải đạo, vậy cần tỏ lòng biết ân chúng. Bhaddavatikā nay đã già, mòn mỏi vì tuổi tác và không được ai bảo vệ, chỉ sống bằng trái cây ketaka trong rừng. Đại vương để cho nó bơ vơ như vậy lúc già yếu là không hợp lý.

Rồi kể các công đức của con voi Bhaddavatikā, Ngài bảo:

– Đại vương hãy phục hồi mọi vinh quang cũ của nó!

Xong Ngài ra đi. Vua làm theo lời Ngài. Cả kinh thành truyền tin rằng vinh quang cũ của con voi đã được phục hồi nhờ đức Phật kể lại mọi công đức của nó.

Việc này được Tăng chúng biết và chư vị bàn luận trong lúc hội họp. Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe đây là đề tài của các vị, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm cho nó được phục hồi mọi vinh quang cũ bằng cách kể các công đức của nó.

¹⁷ Xem J. IV. 375, *Mātanga-jātaka* (Chuyện bậc Hiền trí Mātanga), số §497.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, có một vị vua mệnh danh là Dalhadhamma cai trị tại Ba-la-nại. Thời ấy, Bồ-tát thọ sanh vào gia đình một vị đại thần; khi lớn lên, ngài phục vụ nhà vua.

Ngài được vua ban nhiều vinh hiển và đứng địa vị của một đại thần quan trọng nhất trong triều. Vua có một con voi cái rất dũng mãnh, lực lưỡng.¹⁸ Nó đi một trăm dặm một ngày, làm mọi phận sự sứ thần của vua; khi ra trận nó chiến đấu oanh liệt, giẫm nát quân thù. Vua bảo:

– Con voi này thật hữu ích đối với ta!

Rồi vua ban cho nó mọi thứ trang điểm và vinh quang giống như Vua Udena ban cho Bhaddavatikā ngày nay. Sau đó, khi nó già yếu, vua tước hết mọi đặc ân trên. Từ đó, nó không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng các thứ cỏ lá trong rừng. Một hôm, các loại đồ gốm sứ trong cung vua không đủ dùng, vua truyền thợ gốm lại và phán:

– Đồ gốm không đủ dùng.

– Tâu Đại vương, tiểu thần không có bò kéo xe để mang phân bò về nung đất sét.

Vua nghe chuyện, liền phán:

– Con voi cái của ta đâu rồi?

– Tâu Đại vương, nó đang phiêu bạt tùy ý.

Vua bảo đem nó cho người thợ gốm:

– Từ nay người buộc nó vào xe rồi đưa đi chở phân.

Người thợ gốm đáp:

– Tâu Đại vương, tốt quá.

Rồi gã làm theo lời dặn. Một hôm, ra ngoại thành, voi cái chợt thấy Bồ-tát đi đến, liền quỳ xuống chân ngài vừa than khóc vừa nói:

– Thừa Tể tướng, thời con còn trẻ, đức vua xem con rất hữu dụng và ban cho con đại vinh hiển; nay con già yếu, ngài tước bỏ mọi đặc ân và không còn nghĩ đến con nữa; con không được ai bảo vệ và chỉ sống bằng cỏ lá trong rừng, gặp cảnh khốn cùng thế này ngài lại đem con cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân. Trừ Tể tướng ra, con không còn nơi nương tựa nào cả; chính Tể tướng đã biết mọi công lao con phục vụ đức vua, xin ngài cho con được phục hồi mọi vinh hiển đã mất!

Rồi voi cái ngâm ba vản kệ:

¹⁸ Xem *JPTS*. 1887, p. 150.

98. Chính con khuôn vác tỵ ngày xanh,
Nư vậy đức vua đã thỏa tình?
Vũ khí con mang đầy trước ngực,
Xông pha chiến trận, bước hùng anh.

99. Con đã lập nên lắm chiến công,
Đức vua giờ hẳn có quên chăng,
Bao lần phục vụ nhiều công trạng,
Nư đã định cho các sứ thần?

100. Nay con cô độc, quá bơ vơ,
Chắc chắn mạng chung đã đến giờ,
Phục vụ cho nhà người thợ gốm,
Con đành làm vật kéo phân dơ!

Bồ-tát nghe chuyện, liền an ủi nó và bảo:

– Thôi đừng buồn khổ nữa, ta sẽ đi trình đức vua và phục hồi vinh dự cho con.

Vì thế khi vào thành, ngài đi đến châu vua sau buổi điếm tâm và bắt đầu câu chuyện, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, có phải con voi cái mang tên kia đã ra trận chiến tại những nơi nọ với các vũ khí buộc đầy ngực; rồi ngày khác nó lại mang quốc thư ở cổ đi cả trăm dặm làm sứ giả cho Đại vương và Đại vương ban cho nó nhiều vinh hiển chăng, nay nó đâu rồi?

– Trẫm đã giao nó cho người thợ gốm chở phân bò.

Bồ-tát liền đáp:

– Có hợp đạo lý chăng, tâu Đại vương, khi giao nó cho người thợ gốm buộc vào xe chở phân?

Rồi để khuyến giáo, ngài ngâm bốn vần kệ:

101. Do ích kỷ tham vọng cá nhân,
Người ta ban phát mọi vinh quang,
Nư ngài đối với con voi nọ,
Ném bỏ như nô lệ yếu tàn.

102. Khi người quên hết các huân công,
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần,
Mọi việc mà lòng đang dự tính,
Ngày sau chắc hẳn phải suy vong.

103. Khi người ghi nhớ các công ơn,
Thiện sự ngày xưa hưởng trọn phần,
Mọi việc mà lòng đang dự tính,
Ngày sau chắc hẳn sẽ thành công.

104. Ta nói điều chân lý trọn lành,
Cho thần dân tụ tập chung quanh,
Phải luôn ghi nhớ công ơn cũ,
Thiên giới dành phần sống hiển vinh.

Với lời khởi đầu này, Bồ-tát giáo hóa toàn thể dân chúng đang tụ tập ở đó. Nghe vậy, vua ban cho con voi già mọi vinh hiển cũ; và về sau được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua bố thí cùng thực hành nhiều thiện sự khác nên được sinh lên cõi thiên.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, voi cái là Bhaddavatikā, vua là Ānanda, vị đại thần chính là Ta.

§410. CHUYỆN VOI CON SOMADATTA (*Somadattajātaka*)¹⁹ (J. III. 388)

Bước sâu vào tận trong rừng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Trưởng lão già cả.

Chuyện kể rằng, vị Trưởng lão này truyền giới cho một Sa-di làm đệ tử, phụng sự vị ấy, nhưng chẳng bao lâu lâm bệnh nặng qua đời. Trưởng lão đi quanh quần khóc than kêu gào vì cái chết của đệ tử.

Thấy vậy, Tăng chúng bắt đầu bàn tán trong pháp đường:

– Nay các Hiền giả, vị Trưởng lão già cả này cứ lang thang kêu khóc vì một Sa-di chết, chắc hẳn vị ấy đã quên pháp môn quán tưởng về sự chết.

Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe đề tài câu chuyện, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu người này khóc người kia chết.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka. Một Bà-la-môn giàu tiền của, trước sống ở Ba-la-nại, sau giả từ thế tục và trở thành ẩn sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết sơn, nhặt củ quả rừng để ăn.

Một hôm, đi tìm quả rừng, ông thấy một chú voi con, liền đem về thảo am. Ông xem nó như thể con mình, gọi tên nó là Somadatta, nuôi nấng chăm sóc nó và cho nó ăn cỏ lá. Con voi lớn dần trở thành to lớn, song một hôm nó ăn quá nhiều nên phát bệnh vì bội thực. Vị khổ hạnh đem nó vào thảo am và đi tìm quả rừng. Song trước khi ông trở về, con voi đã chết. Khi đem về mớ quả, vị khổ hạnh suy nghĩ: “Các ngày khác con ta vẫn đón ta, sao hôm nay không thấy? Con ta bị việc gì chẳng?” Thế là ông than khóc và ngậm vắn kệ đầu:

¹⁹ Xem J. III. 156, *Sujātajātaka* (Chuyện chàng Sujāta), số §352; J. III. 214, *Migapotakajātaka* (Chuyện chú nai con), số §372; J. IV. 60, *Mattakundaliyātaka* (Chuyện nam tử đeo vòng tai), số §449; J. IV. 84, *Ghatajātaka* (Chuyện Trĩ giả Ghata), số §454.

105. Bước sâu vào tận trong rừng,
Nó thường vẫn đến đón mừng ta ngay.
Nhưng sao chẳng thấy hôm nay,
Voi con đi lạc chẳng hay lỗi về?

Cùng với lời than khóc này, ông thấy con voi nằm cuối lối đi có mái che, liền ôm ngang cổ nó và ngâm vãn kệ thứ hai tiếc thương nó:

106. Chính voi vừa chết nằm kia,
Như búp măng bị cắt lìa nát thân,
Voi nằm dưới đất ngã lẩn,
Con voi ta đã lìa trần, than ôi!

Ngay lúc ấy, Thiên chủ Sakka quan sát cõi trần, suy nghĩ: “Vị khổ hạnh này từ giã vợ con để tu hành, nay lại than khóc con voi mà ông gọi là con. Ta muốn đến thức tỉnh ông và làm cho ông suy nghĩ lại.” Vì thế, ngài xuất hiện trước thảo am, đứng trên không và ngâm vãn kệ thứ ba:

107. Sầu thương vật đã chết rồi,
Hỡi người khổ hạnh sống đời độc cư,
Thoát dây tục lụy, xuất gia,
Giờ đây phát bệnh tâm tư buồn phiền!

Nghe lời này, vị khổ hạnh ngâm vãn kệ thứ tư:

108. Nếu người bầu bạn thú hiền,
Thưa ngài Đệ-thích ở trên cõi trời,
Buồn phiền vì mất bạn chơi,
Tuôn dòng nước mắt sẽ rơi nổi sầu!

Thiên chủ Sakka liền ngâm vãn kệ khuyên giáo ông:

109. Người đời lắm kẻ ước ao,
Mỗi khi vật mất kêu gào tiếc thương.
Thôi đừng khóc nữa, trí nhân,
Thánh hiền vẫn bảo hoài công thôi mà.

110. Nếu nhờ nước mắt tuôn ra,
Chúng ta có thể vượt qua tử thần,
Thì ta quyết phải hợp quần,
Để mà cứu mọi vật thân nhất đời!

Nghe lời Thiên chủ nói, vị khổ hạnh nghĩ lại và được an ủi, bèn lau nước mắt và ngâm các vãn kệ cuối cùng tán thán Thiên chủ:

111. Ví như ngọn lửa sáng ngời,
Đổ thêm bơ sữa cháy hoài thật cao,
Được vôi nước lạnh tưới vào,
Ngài vừa dập tắt nổi sầu của ta.

112. Lòng ta nhức nhối xót xa,
 Vì tên sâu nảo xuyên qua kinh hoàng,
 Ngài đã chữa trị vết thương,
 Và ngài hồi phục đời thường cho ta.

113. Mũi tên vừa được nhổ ra,
 Lòng ta tràn ngập an hòa vui tươi,
 Lắng nghe Thiên chủ nhủ lời,
 Ta không còn phải chơi vơi khổ sầu.

Các vần kệ này đã được ngâm ở *Chuyện chú nai con*.²⁰

Sau khi khuyến giáo vị khổ hạnh, Sakka trở lại cõi của ngài.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, voi con là Sa-di, vị khổ hạnh là Trưởng lão già cả này và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§411. CHUYỆN VUA SUSĪMA (*Susīmajātaka*) (J. III. 391)

Tóc ta đen nhánh từ ngày xưa...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế.

Tăng chúng lúc ấy đang ngồi trong pháp đường tán thán đại sự xuất thế của đức Phật. Khi thấy đây là chủ đề của các vị, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không lạ gì ngày nay Ta lại làm đại sự xuất thế và già từ thế tục khi Ta đã thực hành các công hạnh viên mãn (Ba-la-mật) trong hàng trăm ngàn kiếp, mà ngày xưa Ta cũng từ bỏ ngai vàng tại quốc độ Kāsi rộng ba trăm do-tuần và làm đại sự xuất thế.

Và vì vậy, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai của bà vợ vị tể sư hoàng gia. Trong ngày sanh ra ngài, hoàng hậu cũng sinh một con trai. Vào ngày lễ đặt tên, bậc Đại sĩ được gọi là nam tử Susīma và hoàng nam được đặt tên Vương tử Brahmadattakumāra.

Vua thấy đôi trẻ cùng sanh ra một ngày nên truyền đưa Bồ-tát giao cho nữ mẫu cùng nuôi chung với vương tử. Cả hai trẻ lớn lên tươi đẹp như các thiên tử trên trời.

Cả hai đều học đủ mọi ngành nghệ thuật ở Takkaśilā và trở về nhà. Vương tử trở thành phó vương, cùng ăn uống, sống chung với Bồ-tát. Lúc vua cha băng

²⁰ Xem J. III. 214, *Migapotakajātaka* (*Chuyện chú nai con*), số §372.

hà, vương tử lên làm vua, ban cho Bồ-tát mọi vinh hiển và phong chức tể sư hoàng gia.

Một hôm, tân vương truyền trang hoàng cả kinh thành, rồi được tô điểm rực rỡ như Thiên chủ Sakka, vua tham dự đám rước quanh kinh thành, ngự trên vai vương tượng chẳng khác nào bảo tượng Erāvaṇa của Thiên chủ trong niềm tự hào cùng với Bồ-tát ngồi phía sau trên lưng voi. Mẫu hậu nhìn ra từ cửa sổ trông thấy hoàng nam và chợt thấy vị tể sư sau lưng vua khi ngài từ đám rước trở về. Bà đâm ra si tình ngài, liền đi vào hậu cung nghĩ thầm: “Nếu ta không chiếm được chàng, ta sẽ chết tại đây.” Vì thế, bà bỏ ăn uống và cứ nằm tại đó.

Vua không thấy mẹ liền hỏi thăm, khi nghe bà bị bệnh, vua đến hỏi thăm và cung kính hỏi bà bị bệnh gì. Bà không nói vì hổ thẹn. Vua liền ngự lên ngài, truyền chánh cung hoàng hậu đi tìm hiểu xem thái hậu bị bệnh gì.

Hoàng hậu đến, vừa hỏi thăm vừa vuốt ve lưng mẫu hậu. Nữ nhân thường không giấu nhau các chuyện bí mật, vì thế chuyện bí mật kia được tiết lộ. Hoàng hậu liền đi trình vua. Vua bảo:

– Được rồi, Ái khanh đi an ủi mẫu hậu, ta sẽ tôn vị tể sư lên làm vua và mẫu hậu lên làm chánh hậu của ngài.

Hoàng hậu liền đến an ủi thái hậu. Vua truyền mời vị tể sư đến kể lại vấn đề:

– Nay Hiền hữu, hãy cứu mạng mẹ ta; khanh sẽ làm vua và mẹ ta sẽ lên làm chánh hậu, còn ta sẽ làm phó vương.

Vị tể sư đáp:

– Không thể được.

Song cứ bị khẩn cầu mãi, ngài bằng lòng và vua tôn ngài lên làm vua, mẫu hậu làm chánh hậu và chính mình làm phó vương. Tất cả mọi người đều sống hòa hợp, song Bồ-tát khô héo dần giữa cuộc sống tại gia. Ngài từ bỏ mọi dục lạc và hướng về đời tu hành.

Chẳng còn màng các lạc thú trần gian, ngài đi đứng nằm ngồi như tù nhân bị giam lỏng hay như con gà trống trong lồng son. Chánh hậu suy nghĩ: “Hoàng thượng tránh mặt ta, ngài đi đứng nằm ngồi một mình; giờ đây ngài vẫn tươi trẻ, còn ta đã già và có tóc bạc. Giả sử ta kể cho ngài nghe chuyện ngài đã có tóc bạc, khiến cho ngài tin chuyện ấy và đến bầu bạn với ta chẳng?”

Một hôm, làm như thể lau đầu vua, bà nói:

– Hoàng thượng sắp già rồi đấy, có sợi tóc bạc trên đầu Hoàng thượng!

– Hãy nhổ nó ra và đặt vào tay trẫm!

Hoàng hậu nhổ một sợi tóc, nhưng lại ném nó đi và đặt vào tay ngài một sợi tóc bạc của bà. Khi thấy nó, nỗi sợ chết khiến mồ hôi đổ ra chảy xuống trán ngài, dù vàng trán bóng láng như một phiến vàng, ngài tự nhủ mình: “Nay Susīma, người đã già cõi ngay tuổi thanh xuân, suốt bấy lâu nay người chìm sâu

vào vũng bùn đục lặc như thể con heo vùng quê lặn lội trong đầm lầy dơ bẩn, người không thể xa rời bùn nhơ được. Hãy rời bỏ tham dục và sống đời khổ hạnh ở vùng Tuyết sơn. Nay đã đến thời xuất gia rồi!” Cùng với ý tưởng này, ngài ngâm vần kệ đầu:

114. Tóc ta đen nhánh tự ngày xưa,
Vẫn mọc quanh vầng trán của ta,
Bạc trắng giờ đây, lưu ý nhé,
Đến thời tu tập giã từ nhà.

Như thế, Bồ-tát ca tụng đời tu hành, nhưng hoàng hậu thấy bà đã làm cho ngài rời bỏ bà chứ không phải yêu thương bà nên lòng sợ hãi; bà muốn cản trở ngài sống đời xuất gia bằng cách ngâm hai vần kệ ca tụng dung sắc ngài:

115. Tóc bạc thiếp đây, chẳng phải chàng,
Từ trên đầu thiếp mới đưa sang,
Vì chàng, thiếp nói điều hư vọng,
Xin lượng thứ cho lỗi thiếp làm!
116. Trông chàng tươi đẹp, đáng thanh tân,
Như một cây non trẻ giữa xuân,
Hãy trị nước nhà, cười với thiếp,
Đừng tìm việc của tuổi thu đông!

Nhưng Bồ-tát đáp:

– Nay Hoàng hậu, bà đang nói đến những việc phải xảy đến, khi tuổi tác chín muồi, tóc đen này phải ngả màu bạc như vôi. Ta thấy sự biến hoại của xác thân theo năm tháng lúc đến tuổi lão thành; từ công nương cho đến mọi người khác, dù có dịu mềm như tràng hoa sen xanh, sáng đẹp như vàng ròng, và say sưa với niềm kiêu hãnh về tuổi xuân rực rỡ của mình. Nay Hoàng hậu, đó là kết thúc đáng sợ của mọi loài hữu tình.

Hơn nữa, muốn trình bày chân lý với oai lực của một vị Giác ngộ, ngài ngâm hai vần kệ:

117. Ta thường trông thiếu nữ xuân thì,
Uyển chuyển như cành lá lướt kia,
Kiêu mạn vì hình dung diễm lệ,
Mọi người say ngất bước chân đi.
118. Cũng chính nàng kia, ta ngắm trông,
Trải qua đã tám, chín mươi năm,
Run run chân bước, tay cầm gậy,
Thân thể còng như ngọn liễu rung.

Trong vần kệ này, bậc Đại sĩ nêu rõ nỗi khổ đau của dung sắc; và giờ đây, ngài tuyên bố nỗi bất mãn của ngài với đời sống tại gia:

119. Những ý tưởng này, ta xét luôn,
 Tư duy vẫn đến giữa đêm đơn,
 Đời người thế tục, ta không chuộng,
 Đúng lúc tu hành, phải bước chân.

120. Dục lạc trong đời sống thế nhân,
 Là nơi hèn yếu để nương thân,
 Trí nhân cắt đứt theo đường khác,
 Bỏ dục lạc, đầy đủ lực hùng.

Như vậy, trong khi tuyên bố các lạc thú lẫn khổ đau của tham dục, ngài giảng bày chân lý với vẻ kỳ diệu của bậc Giác ngộ, rồi ngài truyền đi mời thân hữu của ngài đến nhận lại vương quốc. Ngài từ giả vinh quang và quyền lực giữa tiếng than khóc vang rền của thân bằng quyến thuộc, rồi trở thành bậc hiền nhân khô hạnh ở vùng Tuyết sơn và về sau chứng đắc thiền định; khi mạng chung ngài được tái sanh lên cõi Phạm thiên.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật và đem lại nguồn nước bất tử cho nhiều người, rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, chánh hậu là mẫu thân Rāhula, vua là Ānanda và Vua Susīma chính là Ta.

§412. CHUYỆN THẦN CÂY BÔNG VẢI (*Koṭisimbaliḥāṭaka*)²¹ (J. III. 397)

Ta mang thân xác của xà vương...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khiển trách lỗi lầm. Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện ngụm nước uống*.²²

Vào dịp này, bậc Đạo sư nhận thấy năm trăm Tỷ-kheo sống trong tinh xá trên con đường lát vàng (Kỳ Viên) đang bị dục tướng chi phối, liền tập hợp Tăng chúng lại và bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, cần phải hoài nghi nơi nào đáng hoài nghi, lỗi lầm vậy phủ con người như rễ cây đa hay những cây tương tự mọc quanh các cây khác. Cũng vậy, ngày xưa một vị thần trú trên ngọn cây bông vải thấy một con chim thả phân có các hột đa nằm giữa các cành cây bông vải, sinh lòng lo sợ rằng nơi trú ẩn của mình sẽ bị tàn phá vì chúng.

Và do vậy, Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là thần cây trú trên ngọn cây bông vải. Một chúa chim thần Cánh Vàng, Kim Sí điều vương, biến

²¹ Bản CST viết *Koṭasimbaliḥāṭaka*. Xem J. III. 208, *Palāsajātaka* (*Chuyện cây hồng phượng vĩ*), số §370.

²² Xem J. IV. 113, *Pāṇiyajātaka* (*Chuyện ngụm nước uống*), số §459.

hình dài một trăm năm mươi do-tuần, rồi rẽ nước đại dương bằng trận cuồng phong do đôi cánh đập mạnh; nó chụp lấy đuôi một vua rắn thần (*nāga*) dài một ngàn trượng, khiến cho xà vương phải nhả hết mọi vật đã ngậm trong miệng, xong nó liền bay lên theo các ngọn cây về phía cây bông vải.

Xà vương suy nghĩ: “Ta sẽ làm cho nó thả ta ra để ta đi.” Vì vậy, rắn thần dán sát đầu vào cây đa và quấn quanh cây thật chặt. Do sức mạnh của chúa chim thần và thân xác khổng lồ của xà vương, cây đa bị bật gốc. Song xà vương vẫn không rời cây đa. Chúa chim thần mang cả xà vương lẫn cây đa đến cây bông vải kia, đặt rắn thần lên thân cây, mổ bụng ra ăn thịt mỡ. Sau đó, nó ném xác rắn xuống biển.

Bấy giờ, trên cây đa có con chim nhỏ bay lên khi cây đa bị ném bỏ, rồi đậu trên một cành cây cao gần cây bông vải. Thấy con chim, thần cây liền run rẩy toàn thân vì sợ hãi và suy nghĩ: “Con chim này sẽ thả phân nó rơi trên thân ta, rồi một cây đa hay cây sung sẽ mọc lên và lan tràn khắp thân cây, thế là nơi trú ẩn của ta sẽ bị phá hoại.” Lúc ấy, cây bông vải rung chuyển tận gốc vì cơn kinh hãi của thần cây. Kim Sí điều vương thấy cây rung chuyển như vậy, liền ngâm đôi vần kệ hỏi lý do:

121. Ta mang thân xác của xà vương,
Cùng với thân ta lớn dị thường,
Thân rắn kia dài ngàn trượng chẵn,
Song cây không chuyển động kinh hoàng.

122. Nay mang chim nhỏ bé tí ti,
So với ta đây chẳng sá chi,
Cây lại run hoài vì sợ hãi,
Hỡi cây bông vải, lý do gì?

Sau đó, thần cây ngâm bốn vần kệ giải thích lý do:

123. Thịt mỡ ngài xơi, hỡi điều vương,
Trái cây là thức của chim muông,
Hạt đa, sung với Bò-đề nữa,
Nếu mọc, toàn thân ta chết luôn!

124. Hạt ấy về sau sẽ mọc cây,
Rồi che phủ cả hết thân này,
Ta không còn có cây nào nữa,
Vì bị chúng che kín phủ đầy.

125. Một khi cây đã lớn lên nhanh,
Rễ mạnh quanh thân, rậm rạp cành,
Chúng tỏ hạt do chim tích trữ,
Mang mầm hủy hoại đến cho mình.

126. Loại cây mọc bám sẽ chôn thây,
Ngay cả cây rừng vĩ đại này,

Vì vậy, điều vương, ta rúng động,
Khi ta lo sợ thấy như vậy.

Nghe lời thần cây, điều vương ngâm vắn kệ cuối cùng:

127. Phải kinh hãi việc đáng kinh hoàng,
Hiểm họa đến thân phải hộ phòng,
Bậc trí lặng nhìn hai thế giới,
Nếu gây kinh hãi phải rời chân.

Nói vậy xong, điều vương dùng sức mạnh đẩy con chim nhỏ ra khỏi cây ấy.

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật bắt đầu bằng những lời: “Cần phải hoài nghi nơi nào đáng hoài nghi.” Khi các sự thật kết thúc, năm trăm vị Tỷ-kheo được an trú vào Thánh quả A-la-hán.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Sāriputta là điều vương và Ta chính là thần cây.

§413. CHUYỆN NGƯỜI CHẶN ĐÊ DHŪMAKĀRI

(*Dhūmakārijātaka*) (J. III. 400)

Một hôm, Minh đế Yudhiṭṭhila...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về đặc ân của Đại vương xứ Kosala đối với một người khách lạ.

Chuyện kể rằng, có thời vua không dành đặc ân cho các võ tướng cũ vẫn đến châu vua như thường lệ, mà lại ban vinh dự và tỏ lòng hiếu khách đối với những người mới yết kiến lần đầu. Thời ấy, vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên địa bị quấy phá. Nhưng các võ tướng cũ của vua không muốn giao chiến vì nghĩ rằng những võ tướng mới được hưởng đặc ân sẽ chiến đấu; và đám người mới này cũng không muốn chiến đấu vì nghĩ rằng những vị tướng cũ sẽ làm việc ấy. Do vậy, quân phiến loạn thắng trận.

Vua biết thất bại của mình là do sai lầm mình đã mắc phải khi ban ân huệ cho bọn người mới, liền trở về thành Xá-vệ. Vua quyết định hỏi đức Thế Tôn Đại Trí xem mình có phải là ông vua duy nhất chịu thất bại vì lý do kia chăng. Bậc Đạo sư đáp:

– Thừa Đại vương, Đại vương không phải là trường hợp duy nhất, vua chúa ngày xưa cũng bị bại trận vì đã ban đặc ân cho đám người mới.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, tại thành Indapattana, ở quốc độ Kuru, có vị vua cai trị mệnh danh là Dhanañjaya, thuộc dòng họ Yudhiṭṭhila. Bồ-tát được sinh vào gia đình

vị tế sư của vua. Khi lớn lên, ngài học tập mọi nghệ thuật ở Takkaṣilā. Sau ngài trở về Indapattana và khi thân phụ từ trần, ngài trở thành vị tế sư hoàng gia kiêm cố vấn của vua về thể sự cũng như thánh sự. Danh hiệu của ngài là Trí nhân Vidhūra.

Vua Dhanañjaya coi thường các võ tướng cũ của mình và ban đặc ân cho các người mới. Sau đó, vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên thùy có loạn nhưng cả đám võ tướng cũ lẫn võ tướng mới đều không muốn giao chiến, mỗi phe đều nghĩ rằng phe kia sẽ chăm lo việc ấy. Do đó, vua bại trận.

Khi trở về Indapattana, vua nhận xét rằng sự thất bại ấy là do đặc ân mà mình đã dành cho đám người mới. Một hôm, vua suy nghĩ: “Có phải ta là vị vua duy nhất từng bại trận vì ban ân huệ cho đám người mới, hay cũng có nhiều kẻ khác cùng chung số phận này trước kia? Ta muốn hỏi Trí nhân Vidhūra.” Vì thế, vua đưa lời chất vấn Trí nhân Vidhūra khi ngài đến yết kiến vua tại triều đình.

Bậc Đạo sư ngâm kệ nêu rõ lý do lời chất vấn của vua:

- 128.** Một hôm, Minh đế Yuditṭhila,
Hỏi bậc Trí nhân Vidhūra,
“Hiền hữu Bà-la-môn có biết,
Tìm ai sâu thông thiết hơn ta?”

Nghe vậy, Bô-tát đáp:

– Tâu Đại vương, nỗi sầu của ngài chỉ là điều nhỏ nhặt. Ngày xưa, một Bà-la-môn chăn dê tên gọi Dhūmakāri nuôi một đàn dê lớn và làm chuồng cho chúng ở trong rừng. Vị ấy đốt lửa xông khói và sống bằng sữa dê tại đó để chăm sóc đàn dê. Khi thấy một bầy nai da vàng óng ả chợt đến, ông lại sinh lòng thương mến chúng và xao lãng bầy dê, ông tỏ hết lòng quý trọng bầy nai. Vào mùa thu, bầy nai lại di chuyển về vùng Tuyết sơn. Trong lúc bầy dê chết dần như thế, bầy nai cũng khuất dạng sau rặng núi. Do quá khổ não, ông mắc bệnh xanh xao vàng vố và từ trần. Ông đã bày tỏ đặc ân với đám nai mới và phải chết vì chịu buồn khổ thông thiết hơn Đại vương cả trăm ngàn lần.

Ngài liền ngâm vần kệ nêu rõ trường hợp này:

- 129.** Bà-la-môn có một bầy dê,
Dòng họ Vāsetṭha sang trọng kia,
Đốt lửa ngày đêm luôn bốc khói,
Sống đời an lạc chốn sơn khê.
- 130.** Ngươi mùi khói bốc, một bầy nai,
Do bị nặng đeo quấy rối hoài,
Tìm chỗ trú khi mưa gió đến,
Gần nhà mục tử Dhūmakāri.
- 131.** Bầy nai giờ được mọi yêu thương,
Dê chẳng được ai thiết ngó ngang,

Đi lại tự do không bảo hộ,
Cho nên chúng phải bị suy tàn.

132. Song nay nặng đã bỏ khu rừng,
Thu đến, mùa mưa chấm dứt luôn,
Nai phải đi tìm bao đỉnh núi,
Cùng khe suối chảy ở trên nguồn.

133. Mực tử thấy nai đã bỏ đi,
Cả bầy dê cũng chết nằm kia,
Bệnh sâu nào đến làm mòn mòi,
Da dê ngày thêm một tái tê.

134. Vậy người nào bỏ mặc thân bằng,
Lại gọi người xa lạ thiết thân,
Như lão Dhūmakāri mực tử,
Một mình, dòng lệ đắng cay tuôn.

Đây là câu chuyện do bậc Đại sĩ kể lại để an ủi vua. Vua được an ủi, lòng rất hoan hỷ liền ban tặng ngài nhiều châu báu. Từ đó trở đi, vua bày tỏ ân sủng đối với toàn dân, làm nhiều thiện sự công đức nên được sinh lên cõi trời.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua xứ Kuru là Ānanda, Bà-la-môn Dhūmakāri là Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala và bậc Trí nhân Vidhūra là Ta.

§414. CHUYỆN NGƯỜI TỈNH THỨC (*Jāgarajātaka*) (J. III. 403)

Ai thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một cư sĩ. Đó là một đệ tử đã đắc Nhập lưu đạo.

Một hôm, ông khởi hành từ Xá-vệ cùng với một đoàn xe đi theo đường rừng đến một nơi có cảnh đẹp và nước chảy, người trưởng đoàn buộc xe ngựa lại, sửa soạn thức ăn đủ loại cứng mềm và tạm ở lại đó. Mọi người nằm xuống ngủ rải rác khắp nơi. Còn vị cư sĩ cứ đi vòng quanh gốc cây cạnh người trưởng đoàn. Lúc ấy, năm trăm tên cướp dự định cướp đoàn xe. Cầm đủ mọi khí giới trong tay, chúng bao vây đoàn xe và chờ đợi. Khi thấy người cư sĩ đang đi dạo, chúng đứng đợi để bắt đầu đánh phá lúc ông đi ngủ. Nhưng ông cứ đi lại suốt đêm. Đến tảng sáng, bọn cướp ném vũ khí cùng gậy đá chúng đã lượm, rồi bỏ đi và bảo:

– Nay ông trưởng đoàn lữ khách, ông làm chủ tài sản này vì ông đã được cứu mạng nhờ người kia tỉnh thức thật tinh chuyên. Ông cần phải suy tôn ông ấy.

Những người lữ khách thức dậy đúng giờ, thấy đám khí giới, gậy đá do bọn cướp ném bỏ, liền bày tỏ lòng cung kính, biết ơn vị cư sĩ vì hiểu rằng họ sống được là nhờ ông.

Vị cư sĩ ấy đến nơi đã định, làm công việc xong, trở về Xá-vệ và đến Kỳ Viên. Tại đó, ông đến yết kiến và đánh lễ đức Như Lai, cung kính và ngồi dưới chân Ngài; rồi do lời Ngài yêu cầu, ông kể lại mọi chuyện cũ. Bậc Đạo sư bảo:

– Nay cư sĩ, không phải chỉ riêng ông tạo được công đức đặc biệt lớn nhờ tỉnh thức và phòng hộ mà các bậc trí ngày xưa cũng đã làm như vậy.

Và theo lời thỉnh cầu của vị cư sĩ, Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi nghệ thuật ở Takkasilā và trở về nhà sống đời gia chủ.

Sau một thời gian, ngài rời bỏ gia đình và trở thành ẩn sĩ. Chẳng bao lâu ngài đắc các thiền chứng và sống tại vùng Tuyết sơn, ngài chuyên tâm đi và đứng, chỉ kinh hành suốt đêm mà không ngủ.

Một vị thần cây ở cuối lối đi của ngài, hoan hỷ nhìn thấy ngài như vậy và ngâm vãn kệ đầu:

- 135.** Ai thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ?
Ai ngủ khi bao người khác dậy rồi?
Ai là người hiểu câu đố của tôi?
Ai có thể giải đáp tôi điều đó?

Bồ-tát nghe lời của vị thần cây, liền ngâm vãn kệ này:

- 136.** Ta thức tỉnh khi nhiều người đang ngủ,
Ta ngủ khi bao người khác dậy rồi,
Ta là người hiểu câu đố của ngài,
Ta có thể giải đáp ngài điều đó.

Vị thần cây ngâm vãn kệ hỏi lại câu này:

- 137.** Sao ngài thức khi nhiều người đang ngủ,
Và ngủ khi bao kẻ khác dậy rồi?
Làm sao ngài hiểu câu đố của tôi,
Và giải đáp điều này ngay lập tức?

Bồ-tát giải thích vấn đề này:

- 138.** Có nhiều kẻ vẫn quên rằng giới đức,
Nằm ở trong sự tiết dục điều thân,
Vậy bao người đang ngủ giấc mơ màng,
Còn ta thức, hỡi thần cây cổ thụ!

- 139.** Tham, sân, si của số người nào đó,
Đã không còn hiện hữu ở trong lòng,
Vậy các người kia đã tỉnh giấc nồng,
Ta còn ngủ, hỡi thần cây cổ thụ!

140. Vậy ta thức khi nhiều người đang ngủ,
Và ngủ khi bao kẻ khác tỉnh rồi,
Vậy là ta hiểu câu đố của ngài,
Và giải đáp lại lời ngài rồi đó.

Khi bậc Đại sĩ đã giải đáp lời này, vị thần cây rất hoan hỷ và ngâm vãn kệ tán thán:

141. Lành thay, ngài tỉnh thức khi người ngủ,
Và ngủ khi bao người khác tỉnh rồi!
Lành thay, ngài hiểu câu đố của tôi,
Lời giải đáp của ngài bao tốt đẹp!

Như vậy, sau khi tán thán Bồ-tát, vị thần cây trở vào nơi an trú của mình trên cây.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị thần cây là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và nhà khổ hạnh chính là Ta.

§415. CHUYỆN PHÂN CHÁO SỮA CHUA

(*Kummāsapinḍajātaka*) (J. III. 405)

Cúng dường chư Phật quý cao thay...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi).

Nàng nguyên là con gái của vị trưởng nghiệp đoàn bán vòng hoa, cực kỳ diễm lệ và hiền thực. Khi nàng được mười sáu tuổi, trong lúc đi đến vườn hoa cùng các thiếu nữ khác, nàng mang theo ba phần cháo sữa chua trong giỏ hoa. Khi nàng rời thành phố, nàng trông thấy đức Thế Tôn vào thành, tỏa hào quang rực rỡ và được Tăng chúng vây quanh; nàng đem cúng dường Ngài ba phần cháo ấy. Bậc Đạo sư đưa bát của Ngài ra nhận cháo. Nàng đánh lễ chân đức Như Lai và lấy niềm hoan hỷ ấy làm chủ đề thiền quán, nàng đứng sang một bên. Bậc Đạo sư nhìn nàng rồi mỉm cười. Tôn giả Ānanda tự hỏi tại sao đức Như Lai mỉm cười và hỏi Ngài vấn đề này. Bậc Đạo sư nói lý do:

– Nay Ānanda, cô gái này hôm nay sẽ trở thành chánh hậu của vua xứ Kosala do phước báu cúng dường ba phần cháo này.

Còn cô gái tiếp tục bước đến vườn hoa. Ngay chính hôm ấy, vua xứ Kosala giao chiến với Vua Ajātasattu (A-xà-thế) và thất bại phải đào tẩu. Trong khi đang đi ngựa, vua nghe tiếng nàng hát rất hấp dẫn liền thúc ngựa vào khu vườn. Công đức của cô gái đã đến thời chín muồi, vì thế khi thấy vua, nàng không chạy trốn mà đi đến cầm lấy dây cương nơi mũi ngựa. Vua ngồi trên lưng ngựa hỏi nàng đã có chồng chưa. Khi nghe nàng đáp chưa, ông xuống ngựa và đang

một mối vì nắng gió, ông nằm nghỉ chốc lát trên đùi nàng. Sau đó, ông đưa nàng lên ngựa, cùng đạo quân hùng hậu đi vào thành, đưa nàng đến tận nhà riêng.

Chiều hôm ấy, vua phái một vương xa vô cùng vinh quang lộng lẫy đến rước nàng từ nhà nàng về đặt lên một bảo tòa đầy châu báu, làm lễ Quán đánh cho nàng và phong nàng làm chánh hậu. Từ đó trở đi, nàng trở thành hoàng hậu thân thiết, tận tụy được vua sủng ái. Nàng có đầy đủ năm vẻ yêu kiều của nữ nhi, lại có đủ đảm nôm tỳ trung thành và nàng lại là một tín nữ nhận được nhiều hồng ân của chư Phật. Cả kinh thành loan tin rằng nàng được mọi vinh hoa ấy là vì nàng cúng dường bậc Đạo sư ba phần cháo.

Một hôm, Tăng chúng bắt đầu thảo luận trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, Hoàng hậu Mallikā cúng dường đức Phật ba phần cháo; và do phước báo này, ngay chính hôm ấy bà được làm lễ Quán đánh phong ngôi hoàng hậu. Công đức chư Phật thật vĩ đại dường nào!

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi chuyện và khi được biết đề tài thảo luận của Tăng chúng, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không lạ gì nàng Mallikā trở thành chánh hậu của vua xứ Kosala nhờ cúng dường đức Phật Chánh Đẳng Giác ba phần cháo mà thôi, vì có sao? Đó là nhờ đại hồng ân của chư Phật. Các trí nhân ngày xưa cúng dường các vị Độc Giác Phật cháo không có muối hay dầu nữa, song nhờ thế trong đời sau đạt được vinh quang của đế vương tại Kāsi rộng ba trăm do-tuần.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bò-tát được sinh vào một nhà nghèo. Khi lớn lên ngài tìm kế sinh nhai bằng cách làm công cho một nhà giàu. Một hôm, ngài mua bốn phần cháo ở cửa tiệm và suy nghĩ: “Cái này vừa đủ để ta ăn sáng.” Rồi ngài ra làm việc ngoài đồng. Khi thấy bốn vị Độc Giác Phật đang vào Ba-la-nại khát thực, ngài suy nghĩ: “Ta có bốn phần cháo này, giả sử ta đem cúng dường các vị đang đến Ba-la-nại khát thực?” Vì thế, ngài đi đến đánh lễ các vị và nói:

– Thưa các Tôn giả, con hiện đang cầm bốn phần cháo, con xin cúng dường các vị, mong các vị nhận lấy để cho con được phước đức đem lại an lạc lâu dài về sau.

Thấy các vị nhận lời, ngài liền rải cát và sắp đặt bốn chỗ ngồi, đặt các cành khô lên đó và mời chư vị Độc Giác Phật ngồi theo thứ tự. Ngài lấy rổ lá đem nước đến, rót nước cúng dường, và đặt bốn phần cháo vào bốn bình bát, vừa đánh lễ cung kính vừa thưa:

– Thưa các Tôn giả, ước mong nhờ phước báu này con sẽ không sinh vào nhà nghèo nữa, ước mong đây sẽ làm nhân duyên cho con đắc quả vị Chánh giác.

Các vị Độc Giác Phật dùng cháo xong, nói lời tùy hỷ công đức và trở về động Nandamūla. Khi kính chào các vị, Bồ-tát cảm thấy niềm hoan hỷ được tiếp xúc các Độc Giác Phật, và sau khi các vị đã khuất dạng, ngài đã đi làm công việc, ngài vẫn nhớ các vị mãi cho đến lúc mạng chung. Nhờ phước báu này, ngài tái sanh vào mẫu thai của chánh hậu thành Ba-la-nại. Ngài được đặt tên là Brahmadaṭṭakumāra.

Từ lúc mới biết đi chập chững, nhờ năng lực nhớ lại những việc làm trong đời trước, ngài thấy rõ như thể soi bóng mình vào tấm gương sáng, rằng ngài tái sanh vào hoàn cảnh này do ngài đã cúng dường bốn phần cháo lên các vị Độc Giác Phật khi ngài là một tôi tớ đi làm thuê tại chính kinh thành này. Khi lớn lên, ngài học tập mọi môn nghệ thuật ở Takkaṣilā. Khi ngài trở về nhà, vua cha vô cùng hoan hỷ về các thành tựu của ngài nên phong ngài làm phó vương. Sau đó, khi vua cha băng hà, ngài lên ngự trị quốc độ, rồi kết hôn với công chúa tuyệt sắc của vua xứ Kosala và phong nàng ngôi chánh hậu.

Vào ngày đại hội “Giương chiếc lọng trắng” che lên ngài, quần thần trang hoàng kinh thành như thể một kinh thành thiên giới. Ngài dự đám rước quanh thành phố rồi ngự lên thượng lầu được trang hoàng lộng lẫy, sau đó bước đến đài cao an tọa trên ngai vàng có lọng trắng giương phía trên.

Khi ngồi đó, ngài nhìn xuống thần dân đang đứng châu, một phía là triều thần, phía kia là các Bà-la-môn và gia chủ sáng rực trong vẻ đẹp muôn màu sắc, một phía khác nữa là quần chúng cầm tặng vật đủ loại trong tay, kể đến là đoàn nữ nhạc vũ công gồm cả mười sáu ngàn nàng, chẳng khác đoàn tiên tụ tập đông đủ trên thiên đình.

Nhìn mọi vẻ huy hoàng làm say mê lòng người như thế, ngài nhớ lại đời trước của mình và suy nghĩ: “Chiếc lọng trắng kết tràng hoa bằng vàng và chân trụ bằng vàng khối này, hàng ngàn con voi và cỗ xe này, và cả lãnh thổ rộng lớn của ta đầy ngọc vàng châu báu, tài sản, mẽ cốc đủ loại, các nữ nhân như tiên nữ trên trời, mọi cảnh vinh quang này đều thuộc riêng về phần ta thôi; đó là do công đức cúng dường bốn vị Độc Giác Phật bốn phần cháo. Ta hưởng được tất cả mọi sự này nhờ đó.”

Như vậy, trong khi nhớ lại hồng ân của chư Độc Giác Phật, rõ ràng ngài đã tuyên dương công đức của ngài trong đời trước. Ý tưởng ấy làm toàn thân ngài tràn ngập hoan lạc. Niềm hoan lạc thấm tận tâm can khiến ngài ngâm vang hai vần kệ đầy cảm hứng ngay giữa quần thần:

142. Cúng dường chư Phật quý cao thay,
Người bảo đừng xem rẻ việc này,
Đem tặng cháo dù không có muối,
Cho ta phước báu lớn như vậy.
143. Ngựa, voi cùng với đám trâu bò,
Vàng bạc, thóc ngô, cả nước nhà,

Đám mỹ nữ hình dung yếu điệu,
Cúng dường đem quả đến tay ta.

Như vậy, trong niềm hỷ lạc, Bồ-tát ngâm khúc hoan ca gồm hai vắn kệ nhân ngày lễ “Giương chiếc lọng trắng.” Từ đó về sau, chúng được xem là khúc ca được quốc vương ái mộ và mọi người đều hát điệu ấy từ các vũ nữ, vũ công, nhạc sĩ, cung nhân, thị vệ, cho đến dân chúng và ngay cả đám quần thần trong triều.

Sau một thời gian, chánh hậu mong muốn biết ý nghĩa bài hát, song bà không dám hỏi bậc Đại sĩ. Một hôm, nhà vua đẹp ý vì một đức tính của bà, liền phán:

– Này Ái hậu, ta muốn ban cho nàng một điều ước, hãy nhận đặc ân ấy!

– Tâu Hoàng thượng, tốt lành thay thiếp xin nhận đặc ân ấy.

– Ái hậu muốn ta ban gì, voi ngựa hay thứ nào khác?

– Tâu Hoàng thượng, nhờ ân sủng của Hoàng thượng, thiếp không thiếu gì cả, thiếp không cần các thứ ấy. Song nếu Hoàng thượng ban cho thiếp một đặc ân, xin hãy nói cho thiếp biết ý nghĩa khúc ca của ngài!

– Này Ái hậu, nàng cần gì đặc ân ấy? Hãy nhận thứ khác đi!

– Tâu Hoàng thượng, thiếp không cần một thứ nào khác cả. Đó là đặc ân thiếp muốn nhận.

– Được rồi, này Ái hậu, ta sẽ nói điều ấy, nhưng không phải đó là điều bí mật nói riêng với nàng, mà ta muốn gióng tiếng trống khắp kinh thành Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần này; ta muốn dựng ngôi đình bằng ngọc ngay tại cung môn và đặt một chiếc ngai bằng ngọc tại đó, rồi ta sẽ ngồi đó giữa quần thần, Bà-la-môn, cùng mọi người khác gồm cả mười sáu ngàn nữ nhân và kể chuyện ấy.

Bà tuân lệnh vua truyền làm mọi việc như trên, rồi ngự lên ngai giữa đại chúng như Thiên chủ Sakka giữa chư thiên. Hoàng hậu phục sức đủ mọi thứ nữ trang ngọc vàng, đặt một kim đôn ngồi bên cạnh ở một vị trí thích hợp; rồi đưa mắt nhìn vua, bà thưa:

– Tâu Hoàng thượng, xin hãy giảng giải cho thiếp biết ý nghĩa khúc hoan ca mà ngài thường hát trong niềm hỷ lạc, như thể làm cho mặt trăng xuất hiện trên bầu trời.

Rồi bà ngâm vắn kệ thứ ba:

144. Hoàng thượng đầy vinh hiển, chánh chân,
Khúc ca ngài hát đã bao lần,
Trong niềm hoan lạc đầy tâm trí,
Cho thiếp đặc ân biết ngọn nguồn.

Bậc Đại sĩ ngâm bốn vắn kệ nêu rõ ý nghĩa khúc ca:

145. Chính tại thành này, kiếp trước đây,
Ở trong hoàn cảnh khác ngày nay,
Ta là tôi tớ cho người khác,
Làm mướn, song đức hạnh thẳng ngay.

146. Một hôm rời tỉnh để làm công,
Bốn Đạo sư kia, ta chợt trông,
Dáng điệu ly tham và tĩnh lặng,
Thiện toàn trong giới luật tu thân.
147. Tư tưởng ta quy ngưỡng Phật-đà,
Khi chừ vị nghỉ dưới cây già,
Chấp tay đánh lễ, ta đem đến,
Thành kính cúng dường món cháo hoa.
148. Thiện nghiệp tạo nên phước đức dày,
Quả thành ta gặt được giờ đây,
Vinh hoa phú quý đời vương giả,
Quốc độ do ta cai trị này.

Khi hoàng hậu nghe bậc Đại sĩ giảng giải đầy đủ thành quả thiện nghiệp của ngài, bà hân hoan đáp:

– Tâu Đại vương, nếu ngài nhận thấy rõ các thành quả của bồ thí như vậy, từ nay về sau xin ngài nhận một phần cơm và dùng ăn cho đến khi nào chính ngài đã cúng dường thực phẩm lên các vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh.

Rồi hoàng hậu ngâm vãn kệ tán thán Bồ-tát:

149. Hãy ăn, khi nhớ cúng dường rồi,
Chuyển bánh xe chân chánh khắp nơi,
Hoàng thượng tránh xa điều bất chánh,
Cầm quyền chân chánh nước non ngài.

Bậc Đại sĩ ngâm vãn kệ chấp nhận lời hoàng hậu:

150. Ta vẫn tạo riêng một lối đường,
Bước theo đạo lộ chánh chân luôn,
Nơi người hiền thiện thường đi đến,
Đẹp mắt ta nhìn các Thánh nhân.

Sau khi nói xong, ngài nhìn dung sắc hoàng hậu và bảo:

– Nay Mỹ hậu, ta đã kể đủ mọi thiện nghiệp ta làm đời trước, song giữa đám nữ nhân này không ai sánh kịp nàng về dung sắc và vẻ kiều diễm khả ái.

Rồi ngài ngâm vãn kệ:

151. Ái hậu như tiên nữ cõi trời,
Trông nàng rực rỡ vượt bao người,
Vậy nhờ thiện nghiệp nào đưa đến,
Phước báu dung quang quá tuyệt vời?

Sau đó, hoàng hậu ngâm vãn kệ nêu phước nghiệp đã tạo trong kiếp quá khứ:

152. Thiếp vốn nô tỳ một quý nương,
Ở hoàng cung của Amba vương,

Thiếp chuyên tâm thực hành khiêm tốn,
Đức hạnh và tu tập thiện ngôn.

153. Rồi một ngày kia, thiếp cúng dường,
Phân cơm vào bát một Sa-môn,
Tâm tư thiếp ngập tràn từ ái,
Nghệp ấy quả này, tâu Đại vương!

Theo đây, hoàng hậu cũng biết chính xác và kể lại đời trước của mình.

Như vậy, cả hai vị đã công bố các nghiệp quá khứ xong. Từ ngày ấy, hai vị truyền lệnh xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và tại cung môn; rồi để khích lệ toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ), hai vị thực hành đại bố thí, giữ các đạo đức và các ngày trai giới, nên lúc mạng chung được tái sanh cõi thiên.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hoàng hậu là mẫu thân Rāhula và vua chính là Ta.

§416. CHUYỆN CẬN THÂN PARANTAPA (*Parantapajātaka*) (J. III. 414)

Lo sợ, kinh hoàng trong trí ta...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Trúc Lâm về âm mưu của Devadatta định giết Ngài.

Tăng chúng bàn luận tại pháp đường:

– Nay các Hiền giả, Devadatta dự định giết đức Như Lai, vị ấy đã thuê bọn xạ thủ, ném đá trên núi xuống, thả voi say Nālāgiri và dùng nhiều phương tiện để giết đức Như Lai.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi đề tài thảo luận của các vị lúc ngồi đây. Khi các vị trình bày xong, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu kẻ ấy dự định mưu sát Ta. Song kẻ ấy thậm chí không đủ khả năng làm Ta lo sợ mà chỉ tạo khổ đau cho bản thân mình thôi.

Và do vậy, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm vương tử của chánh hậu. Khi lớn lên, ngài học tập đủ mọi nghệ thuật ở Takkaṣilā và biết được thần chú hiểu tiếng kêu của súc vật. Sau khi nghe đầy đủ lời thầy dạy, ngài trở về Ba-la-nại. Phụ vương phong ngài chức phó vương, nhưng dù vua đã làm như vậy, vua lại mong mỏi giết hại ngài và thậm chí không muốn nhìn thấy ngài nữa.

Thời ấy, một chó rừng cái đem hai chó con vào kinh thành theo một đường

công ban đêm lúc mọi người đều nghỉ ngơi. Trong cung của Bồ-tát, cạnh tư thất ngài có căn phòng dành cho một người khách, kẻ ấy đã cởi giày ra và đặt trên sàn nhà bên chân mình rồi nằm trên tấm ván nhưng chưa ngủ.

Bầy chó con đói và kêu khóc. Mẹ chúng bảo theo giọng chó rừng:

– Này các con đừng làm ồn, có một người trong phòng kia đã cởi giày ra và đặt trên sàn nhà. Ông ta đang nằm trên tấm ván nhưng chưa ngủ. Khi ông ta ngủ rồi, mẹ sẽ đến lấy đôi giày cho các con ăn.

Nhờ thần chú, Bồ-tát hiểu tiếng chó rừng và rời phòng mình, mở cửa sổ gọi:

- Ai ở trên đó?
- Tâu Điện hạ, thần là một lữ khách.
- Thế giày của ông đâu?
- Tâu, ở trên sàn.
- Hãy lấy giày treo lên!

Nghe lời này, chó mẹ nổi giận với Bồ-tát. Một hôm, nó lại vào thành theo cách trên. Hôm ấy, có kẻ say rượu bước xuống nước trong một hồ sen, rồi té vào đó chết chìm. Kẻ ấy có hai chiếc áo đang mặc trên người, một ngàn đồng tiền để ở áo trong và một chiếc nhẫn trên ngón tay.

Bầy chó con lại kêu khóc đòi ăn. Mẹ chúng bảo:

– Im đi các con, có một người chết trong hồ sen này, ông ta có nhiều của cải như vậy mà đang nằm trong hồ sen, mẹ sẽ cho các con ăn thịt ông ta.

Bồ-tát nghe tiếng chó, mở cửa sổ ra hỏi:

- Ai trong phòng kia?

Một người thức dậy thưa:

- Chính tiểu thần.
- Hãy đi lấy bộ áo, ngàn đồng tiền và chiếc nhẫn của người đang nằm chết ở hồ sen đằng kia và làm cho xác chìm xuống để nó khỏi nổi lên mặt nước!

Người kia tuân lệnh làm theo. Chó rừng liền tức giận ngài: “Hôm trước ngài cản trở các con tôi ăn đôi giày, hôm nay ngài lại cản chúng tôi ăn xác chết. Được lắm, vào ngày thứ ba kể từ đây, một địch vương sẽ đến bao vây kinh thành, phụ vương ngài sẽ truyền ngài ra trận, họ sẽ chặt đầu ngài. Tôi sẽ uống máu từ cổ ngài cho hả giận. Ngài tự biến mình thành kẻ thù của tôi, vậy tôi quyết chí trả thù.”

Như vậy, chó rừng cái vừa sữa vừa nhục mạ Bồ-tát, rồi nó đem các con đi.

Vào ngày thứ ba, vị địch vương đến bao vây kinh thành. Vua bảo Bồ-tát:

- Này con thân yêu, hãy ra trận!
- Tâu phụ vương, con đã thấy trước một điềm báo hiệu. Con không thể đi vì sợ rằng con sẽ mất mạng.
- Người sống chết có nghĩa gì đối với ta! Đi ngay!

Bậc Đại sĩ tuân lệnh, cùng đem đám gia nhân theo, ngài tránh cổng thành nơi địch vương đang đóng quân và đi ra bằng một cổng khác ngài đã mở sẵn. Khi ngài ra đi, cả kinh thành như thể bị bỏ trống vì mọi người cùng theo ngài. Ngài đóng quân ở một khoảng đất rộng và chờ đợi.

Vua suy nghĩ: “Phó vương của ta đã bỏ trống kinh thành và chạy trốn với tất cả quân sĩ của ta, còn kẻ thù đang nằm quanh kinh thành. Ta chỉ là kẻ chết rồi.” Để cứu mình, vua đem chánh hậu, vị tể sư hoàng gia và một cận thần duy nhất tên là Parantapa, cùng với họ, ban đêm vua giả dạng trốn vào rừng.

Nghe vua cha đã đào tẩu, Bồ-tát vào thành, đánh bại địch vương và chiếm lại quốc độ. Vua cha lúc ấy dựng lều lá bên bờ sông, sống bằng củ quả rừng. Vua và tể sư thường đi tìm trái cây. Còn cận thần Parantapa ở lại với hoàng hậu trong lều. Hoàng hậu lúc ấy đang có thai với vua, nhưng vì thường sống chung với Parantapa nên bà phạm tà hạnh với y. Một hôm, bà bảo với y:

– Nếu đức vua biết, chàng và thiếp đều không sống được đâu. Vậy hãy giết ngài đi!

– Bằng cách nào chứ?

– Ngài thường bảo chàng mang kiếm và áo tắm lúc ngài đi tắm, vậy hãy đem ngài đi xa người hộ vệ tại nơi tắm rồi chặt đầu ngài và lấy kiếm chặt thân ngài thành nhiều khúc, xong chôn xuống đất.

Y đồng ý. Một hôm, vị tể sư đã đi ra tìm quả rừng, ông đã trèo lên một cây to gần nơi vua tắm và đang hái trái. Còn vua muốn tắm nên ra bờ suối cùng Parantapa mang thanh kiếm và áo tắm của vua.

Lúc vua sắp tắm, Parantapa muốn giết vua nhân dịp vua không có người hộ vệ, liền nắm cổ vua và nhắc kiếm lên. Vua sợ chết thét lớn. Vị tể sư nghe tiếng kêu và từ trên cây ông thấy rõ Parantapa đang ám sát vua, nhưng ông cũng quá kinh hoàng vội từ cành cây tụt xuống ẩn mình vào bụi rậm.

Parantapa nghe tiếng sột soạt lúc ông tụt xuống, nên sau khi giết vua và chôn xác xong, y suy nghĩ: “Có tiếng gì sột soạt từ cành cây tụt xuống gần đây, kẻ nào vậy?” Nhưng không thấy ai, y tắm rửa và ra về.

Sau đó, vị tể sư bước ra khỏi chỗ ẩn. Nay biết vua đã bị chặt khúc và chôn trong cái hố, ông tắm rửa, và vì lo cho sinh mạng của mình, ông giả mù khi trở về lều. Parantapa thấy ông, liền hỏi việc gì đã xảy ra cho ông. Ông giả vờ không nhận biết y và nói:

– Tâu Đại vương, tiểu thần trở về với đôi mắt đã mù. Tiểu thần đã đứng cạnh một gò mối trong rừng đầy rắn và hơi thở của một con rắn độc nào đó đã xông vào người tiểu thần.

Parantapa nghĩ vị tể sư đang nói chuyện với y như thể nói với vua vì ông không biết gì nữa nên yên tâm bảo:

– Nay vị Bà-la-môn, đừng lo, ta sẽ chăm sóc ngài.

Rồi y vừa an ủi ông vừa cho ông nhiều quả rừng.

Từ đó, chính Parantapa đi kiếm trái cây. Về sau, hoàng hậu sinh được một hoàng tử. Khi hoàng tử lớn lên, một hôm bà nói chuyện với Parantapa vào lúc tảng sáng nhân dịp ngồi nhàn nhả:

– Có ai thấy chàng lúc giết vua chẳng?

– Không ai thấy ta cả, nhưng ta nghe tiếng động của vật gì tụt xuống từ bụi cây nọ, ta không biết đó là người hay vật. Tuy thế, bất cứ lúc nào trong lòng ta nổi lên mối lo sợ cũng đều do duyên cớ bụi cây sột soạt kia.

Rồi y ngâm vắn kệ đầu nói chuyện với bà:

154. Lo sợ kinh hoàng trong trí ta,
Phát sinh ngay cả chính bây giờ,
Đều do thuở ấy người hay vật,
Lay động bụi cây ở chốn kia.

Hai người ấy tưởng vị tế sư đã ngủ, nhưng ông đang thức và nghe họ nói chuyện. Một hôm, khi Parantapa đã đi vào rừng hái trái, vị tế sư nhớ đến bà vợ Bà-la-môn của mình, lại ngâm vắn kệ thứ hai để than thân:

155. Nhà vợ thân yêu ở cạnh đây,
Nhớ thương làm dạ tái tê thay,
Như Paran hiện đang gây ốm,
Vì sợ lá cành rung động cây.

Hoàng hậu hỏi ông đang nói gì thế. Ông đáp:

– Thần chỉ suy nghĩ trong dạ mà thôi.

Nhưng một ngày khác, ông lại ngâm vắn kệ thứ ba:

156. Nhà vợ ở Ba-la-nại thành,
Thiếu năng, ta héo hắt thân mình,
Như Paran hiện đang xanh tái,
Vì sợ bụi cây rung rẩy cành.

Một ngày khác nữa, ông lại ngâm vắn kệ thứ tư:

157. Mắt nàng đen nhánh sáng long lanh,
Giọng nói, nụ cười mĩm tuyệt xinh,
Hồi tưởng làm ta tê tái dạ,
Như Paran sợ động cây cành.

Theo thời gian, hoàng tử ấu thơ lớn dần đến mười sáu tuổi. Lúc ấy, vị Bà-la-môn làm một cây gậy, cùng đi với cậu đến chỗ tắm và mở mắt ra nhìn. Hoàng tử hỏi:

– Nay vị Bà-la-môn, ông không mù à?

– Ta không mù, nhưng nhờ cách này ta đã cứu mạng mình. Thế cậu có biết ai là thân phụ cậu không?

– Ta biết chứ.

– Người kia không phải là cha cậu đâu. Cha cậu là vua xứ Ba-la-nại, người kia chỉ là kẻ hầu cận của hoàng gia; y đã thông gian với mẹ cậu và giết cha cậu tại chỗ này, rồi chôn xác ở đây.

Nói vậy xong, ông kéo bộ xương lên chỉ cho hoàng tử thấy. Hoàng tử tức giận hỏi:

– Thế ta phải làm gì bây giờ?

– Cứ đối xử với kẻ kia như cách y đối xử với cha cậu.

Rồi ông trình bày mọi việc cho hoàng tử, và trong vài ngày dạy cho hoàng tử cách dùng kiếm. Sau đó, một hôm hoàng tử cầm kiếm và áo tắm, rồi bảo:

– Cha ơi, chúng ta đi tắm nhé!

Parantapa đồng ý ra đi với cậu. Khi y bước xuống nước, hoàng tử cầm chòm tóc y bằng tay trái và kiếm trong tay phải, bảo:

– Ngay tại đây, người đã nắm chòm tóc cha ta và giết ngài trong lúc ngài thét lên. Vậy ta cũng sẽ làm thế với người.

Parantapa sợ chết, gào thét lên và ngâm hai vần kệ:

158. Chắc tiếng động kia đến với người,
Kể cho người những chuyện xưa rồi.
Chắc người thuở nọ rung cành lá,
Đã đến kể người chuyện thiếu thời.

159. Ý tưởng điên rồ đến với ta,
Đã cho người biết chuyện bây giờ.
Ngày xưa làm chứng, người hay vật,
Ở đó và rung cổ thụ mà.

Kế tiếp, hoàng tử ngâm vần kệ cuối cùng:

160. Chính người đã giết phụ vương thân,
Cùng với lời lừa phản dối gian,
Người giấu thân ngài trong bụi ấy,
Giờ đây người phải chịu kinh hoàng.

Nói vậy xong, cậu đâm y chết tại chỗ, vùi thân vào đó và lấy cành cây phủ lên. Sau đó, rửa sạch kiếm và tắm xong, cậu trở lại lều lá. Cậu kể cho vị tế sư nghe cách cậu đã giết Parantapa và khiển trách mẹ cậu xong, cậu lại hỏi khi cả ba trở về Ba-la-nại:

– Chúng ta sẽ phải làm gì bây giờ?

Bồ-tát phong hoàng đế làm phó vương, rồi thực hành bố thí và nhiều thiện sự khác, về sau mạng chung ngài tái sinh lên thiên giới.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Devadatta là vua cha và Ta chính là vua con.

